

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4253/BTP-VP

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2014

V/v trả lời kiến nghị của các Bộ, ngành,
Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trên cơ sở tổng hợp kiến nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ Tư pháp 8 tháng đầu năm 2014, Bộ Tư pháp xin gửi Bản tổng hợp và trả lời đối với các kiến nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Đề nghị các đồng chí Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chỉ đạo việc nghiên cứu và tiếp thu những giải đáp của Bộ Tư pháp để nhằm thực hiện tốt hơn công tác pháp chế, tư pháp của Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân trong thời gian tới. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Vụ Pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (để nghiên cứu, tiếp thu);
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để nghiên cứu, tiếp thu);
- Lưu: VT, TH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đinh Trung Tụng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN TỔNG HỢP VÀ TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ
CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU
HÀNH CỦA BỘ TƯ PHÁP 8 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2014**

(Kèm theo Công văn số: 4253/BTP-VP ngày 08/10/2014 của Bộ Tư pháp)

**I. LĨNH VỰC XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VĂN BẢN QUY PHẠM
PHÁP LUẬT VÀ CÔNG TÁC PHÁP CHẾ**

1. Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức hội nghị, hội thảo về công tác pháp chế các Bộ, ngành và công tác tư pháp, pháp chế các địa phương để trao đổi học tập kinh nghiệm góp phần tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức pháp chế Bộ, ngành, địa phương; từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác pháp chế; đề nghị Bộ Tư pháp phát huy tốt hơn nữa vai trò góp ý, hướng dẫn với hoạt động pháp chế các Bộ, ngành (*UBND thành phố Hồ Chí Minh; Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch*).

Trả lời:

Trước hết, có thể khẳng định trong nhiều năm qua, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác pháp chế trong phạm vi cả nước, Bộ Tư pháp đã thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, cũng như hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ về công tác pháp chế cho các tổ chức pháp chế từ Trung ương đến địa phương. Việc tổ chức các hội nghị, hội thảo về công tác pháp chế đã tạo cơ hội cho những người làm công tác pháp chế gặp gỡ, trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác tư pháp nói chung, công tác pháp chế nói riêng, theo đó cùng nhau đánh giá những kết quả đạt được, nêu những khó khăn, vướng mắc, xác định rõ nguyên nhân để có giải pháp khắc phục; đồng thời, tăng cường công tác phối kết hợp, gắn kết giữa các cán bộ, công chức làm công tác pháp chế, giữa các tổ chức pháp chế Bộ, ngành, địa phương với nhau. Trên cơ sở đề xuất, kiến nghị cụ thể của các Bộ, ngành, địa phương tại các hội nghị, hội thảo, Bộ Tư pháp cũng kịp thời có văn bản góp ý, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ trên các mặt công tác pháp chế, từ công tác xây dựng pháp luật, thẩm định, kiểm soát thủ tục hành chính, phổ biến, giáo dục pháp luật,... đến công tác theo dõi thi hành pháp luật.

Để triển khai công tác pháp chế năm 2014, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ lần đầu tiên tổ chức thành công Hội nghị triển khai công tác pháp chế Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ với sự tham dự, chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc. Trên cơ sở

kết quả, định hướng triển khai công tác pháp chế năm 2014 của Hội nghị, Bộ Tư pháp đã tiếp tục tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo về công tác pháp chế như Hội nghị tập huấn nghiệp vụ công tác pháp chế tại Quảng Ninh với thành phần là cán bộ, công chức làm công tác pháp chế tại các Bộ, ngành, địa phương (ngày 02/7 - 04/7/2014); 02 Hội nghị tập huấn nghiệp vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2014 tại tỉnh Thừa Thiên Huế và Bình Dương cho đối tượng là cán bộ làm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (ngày 14/7 - 19/7/2014). Theo kế hoạch, dự kiến trong tháng 10/2014, Bộ Tư pháp sẽ tổ chức Hội nghị về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Chương trình hỗ trợ pháp lý dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010 - 2020 (Chương trình 585).

Bên cạnh đó, nhằm góp phần đưa công tác pháp chế của Bộ, ngành, địa phương được triển khai đồng bộ, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, thời gian qua, tại các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, Bộ Tư pháp thường xuyên có hướng dẫn và kiến nghị đối với các Bộ, ngành, địa phương trong việc quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức pháp chế; bảo đảm kinh phí cho công tác pháp chế và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác pháp chế. Đồng thời, tiến hành việc hướng dẫn kỹ năng, nghiệp vụ đối với pháp chế các Bộ, ngành, địa phương thông qua các hoạt động kiểm tra, khảo sát về công tác pháp chế, tổ chức hội nghị sinh hoạt pháp chế Bộ, ngành và doanh nghiệp nhà nước theo định kỳ hàng năm.

Trong thời gian tới, để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác pháp chế, Bộ, ngành, địa phương, tiếp tục phát huy vai trò của mình đối với công tác pháp chế, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục thường xuyên tổ chức hội nghị, hội thảo, cũng như tăng cường công tác hướng dẫn chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ về công tác pháp chế. Theo đó, sẽ xây dựng Kế hoạch triển khai công tác pháp chế ngay từ đầu năm để định hướng các hoạt động trọng tâm cho công tác pháp chế, giúp cho công tác pháp chế của Bộ, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Ngoài ra, Bộ Tư pháp đề nghị các tổ chức pháp chế các Bộ, ngành và Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần chủ động trong việc chủ trì hoặc đề xuất phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo, cũng như các nội dung cần hướng dẫn về công tác pháp chế thuộc phạm vi quản lý để Bộ Tư pháp có kế hoạch hướng dẫn kịp thời và hiệu quả.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp tích cực phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc đẩy nhanh tiến độ thẩm định các dự án luật, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ (*Bộ Tài nguyên và Môi trường*).

Trả lời:

Để thực hiện nhiệm vụ thẩm định nêu trên, trong những năm qua, Bộ Tư pháp đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp từ hoàn thiện thể chế nội bộ đến tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, kiện toàn tổ chức, cán bộ các đơn vị xây dựng pháp luật thuộc Bộ Tư pháp nhằm nâng cao chất lượng và bảo đảm tiến độ

thực hiện công tác này. Cụ thể, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 1048/QĐ-BTP về thẩm định dự án, dự thảo văn bản QPPL quy định cụ thể về tiêu chí, trình tự, thủ tục thẩm định dự án, dự thảo văn bản QPPL và quán triệt, tổ chức thực hiện (đã được thay thế bằng Quyết định số 1598/QĐ-BTP ngày 08/7/2014 của Bộ Tư pháp); chỉ đạo rà soát, sắp xếp lại hợp lý hơn chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị xây dựng pháp luật, đồng thời ưu tiên bố trí biên chế cho các đơn vị xây dựng pháp luật và kinh phí cho hoạt động thẩm định văn bản QPPL.

Trên cơ sở Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Bộ Tư pháp, hằng năm, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định phân công Lãnh đạo Bộ trực tiếp chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ thực hiện việc thẩm định. Để nâng cao chất lượng thẩm định, việc phân công đã đổi mới theo hướng một đơn vị tham gia từ khâu soạn thảo, góp ý đến thẩm định từng dự án, dự thảo văn bản QPPL. Đối với các dự thảo văn bản QPPL có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực hoặc do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, Bộ Tư pháp đều thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành hoặc tổ chức các cuộc họp tư vấn thẩm định để huy động trí tuệ, kinh nghiệm của các nhà khoa học, chuyên gia các ngành, lĩnh vực có liên quan, giúp đưa ra ý kiến phản biện chính xác, khách quan hơn, bảo đảm tính đồng bộ, tính khả thi của văn bản QPPL sau khi được ban hành. Cơ chế thẩm định thông qua Hội đồng và cuộc họp tư vấn thẩm định đã phát huy hiệu quả và hiện đang được mở rộng việc áp dụng.

Nhờ những giải pháp đã thực hiện, công tác thẩm định của Bộ Tư pháp thời gian qua đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng văn bản QPPL, bảo đảm sự phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ, khả thi. Ý kiến của Bộ Tư pháp trong các báo cáo thẩm định về những mặt được và chưa được của dự thảo văn bản đã được thể hiện rõ ràng và thuyết phục hơn nên được cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu nhiều hơn.

Qua thẩm định, Bộ Tư pháp đã phát hiện và kịp thời kiến nghị cơ quan soạn thảo chỉnh lý các quy định không đúng thẩm quyền, mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định hiện hành, các quy định thiếu hợp lý hoặc không khả thi, trong đó có những quy định liên quan đến quyền, lợi ích của người dân, doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng của văn bản và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Việc trễ chậm tiến độ thẩm định một phần cũng do tính chất quá phức tạp của một số dự án, dự thảo văn bản mà cần có thêm thời gian để Bộ Tư pháp nghiên cứu, tham vấn thêm ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức hội đồng tư vấn thẩm định, bảo đảm nâng cao chất lượng công tác thẩm định, hoặc trong một số trường hợp thì hồ sơ thẩm định cũng chưa bảo đảm so với yêu cầu. Để khắc phục tình trạng này, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục có những giải pháp cắt giảm thủ tục hành chính; đồng thời đề nghị điều chỉnh kéo dài thời hạn thẩm định so với quy định hiện hành (hiện Bộ Tư pháp đang trình Chính phủ dự án Luật ban hành văn bản QPPL hợp nhất, trong đó có đề nghị

điều chỉnh kéo dài thời hạn thẩm định) nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng và bảo đảm tiến độ công tác thẩm định.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành liên quan sớm hoàn thiện các văn bản hướng dẫn Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế, đặc biệt là chế độ đối với người làm công tác pháp chế (*Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch*).

Trả lời:

Ngay sau khi Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế (Nghị định số 55) được ban hành, Bộ Tư pháp đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành ban hành Kế hoạch triển khai thi hành (Quyết định số 1477/QĐ-BTP ngày 23/8/2011), theo đó, Bộ Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ nghiên cứu, xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp theo nghề đối với người làm công tác pháp chế; chủ trì phối hợp với Bộ Nội vụ xây dựng và ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn về tổ chức bộ máy, biên chế của tổ chức pháp chế và tiêu chuẩn người làm công tác pháp chế; đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ công tác pháp chế.

(i) Về việc nghiên cứu xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với người làm công tác pháp chế

Ngày 06/12/2011, trên cơ sở ý kiến nhất trí của nhiều Bộ, ngành và địa phương, Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với người làm công tác pháp chế (Tờ trình số 42/TTr-BTP) và sau đó, Bộ Tư pháp cũng đã nhiều lần báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quyết định này.

Tuy nhiên, trong bối cảnh thực hiện Kết luận số 63-KL/TW ngày 27/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về một số vấn đề về cải cách hành chính tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020, trong đó có yêu cầu "*không bổ sung các loại phụ cấp ưu đãi, trách nhiệm, đặc thù theo ngành, nghề*" và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành thực hiện nghiêm Kết luận số 63-KL/TW (Công văn số 5954/VPCP-KGVX ngày 22/7/2013 của Văn phòng Chính phủ) thì đến nay chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với người làm công tác pháp chế chưa được ban hành.

Đối với chế độ, chính sách trong hoạt động xây dựng, phổ biến, giáo dục pháp luật, trên cơ sở thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo đảm kinh phí cho công tác xây dựng pháp luật, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan để bổ sung kinh phí xây dựng pháp luật hàng năm cho bộ, ngành, đồng thời ban hành Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác PBGDPL và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; Thông tư liên tịch

số 92/2014/TTLT-BTC-BTP-VPCP thay thế Thông tư số 192/2010/TTLT-BTC-BTP-VPCP về việc hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, theo đó đã có quy định định mức chi, định mức phân bổ kinh phí cho công tác PBGDPL, đồng thời tăng mức chi, định mức phân bổ kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

(ii) Về ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn về tổ chức bộ máy, biên chế của tổ chức pháp chế và tiêu chuẩn của người làm công tác pháp chế.

Bộ Tư pháp đã tích cực phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo Thông tư liên tịch hướng dẫn về tổ chức bộ máy, biên chế của tổ chức pháp chế và tiêu chuẩn của người làm công tác pháp chế và đã nhiều lần xin ý kiến của Bộ Nội vụ nhằm hoàn thiện dự thảo Thông tư liên tịch. Tuy nhiên, trong bối cảnh xây dựng, trình Chính phủ các Nghị định thay thế các Nghị định số 13/2008/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 14/2008/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh, Bộ Nội vụ có ý kiến đề nghị sẽ phối hợp có hướng dẫn sau khi các nghị định mới được ban hành.

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 37/2014/NĐ-CP thay thế Nghị định số 13/2008/NĐ-CP và Nghị định số 24/2014/NĐ-CP thay thế Nghị định số 14/2008/NĐ-CP, để kịp thời hướng dẫn công tác pháp chế ở địa phương, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Nội vụ xây dựng dự thảo Thông tư liên tịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và công tác tư pháp cấp xã, trong đó đã xác định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh, cũng như trách nhiệm của Sở Tư pháp phối hợp với Sở Nội vụ trong việc tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh kiện toàn, bảo đảm biên chế cho tổ chức pháp chế cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.

Hiện nay, dự thảo Thông tư liên tịch đã được thẩm định và Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Nội vụ chính lý, hoàn thiện để trình Lãnh đạo hai Bộ sớm ký ban hành.

(iii) Về ban hành thông tư hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ công tác pháp chế

Thực hiện trách nhiệm hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ công tác pháp chế và đặc biệt nhằm đáp ứng yêu cầu của các Bộ, ngành, địa phương, trong thời gian qua Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành nghiên cứu, xây dựng dự thảo Thông tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 55, theo đó có hướng dẫn cụ thể theo hướng “cầm tay chỉ việc” về nghiệp vụ trên các mặt công tác pháp chế, từ công tác lập chương trình, soạn thảo, góp ý, thẩm định, kiểm soát thủ tục hành chính, phổ biến, giáo dục pháp luật, hợp nhất, pháp điển, kiểm tra và xử lý văn bản đến công tác theo dõi thi hành pháp luật.

Đến nay, dự thảo Thông tư đã được thẩm định và đang hoàn thiện để sớm được ban hành.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác pháp chế ở các Bộ, ngành, cũng như ở các địa phương về kỹ năng thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là về làm báo cáo đánh giá tác động văn bản và kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng hợp nhất văn bản, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật; hướng dẫn hình thức văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ (*Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông - Vận tải, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

Trả lời:

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác tư pháp, Bộ Tư pháp xác định công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức tư pháp là một trong những nhiệm vụ được ưu tiên. Hằng năm, Bộ Tư pháp đều có kế hoạch và phân bổ nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tư pháp, pháp chế. Đặc biệt, từ năm 2012 để thống nhất đầu mối và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, Bộ Tư pháp đã giao Học viện Tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn thực hiện nhiệm vụ này. Việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hằng năm đều được tổ chức phù hợp với từng đối tượng và thiết kế, phân bổ nội dung chuyên sâu theo từng chuyên đề trên các lĩnh vực công tác tư pháp, pháp chế như công tác soạn thảo, góp ý, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản; kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật...

Trong năm 2014, ngoài những lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu về công tác tư pháp, Bộ Tư pháp đã tổ chức 02 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về kỹ năng góp ý, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật cho đối tượng là cán bộ pháp chế cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (tháng 7/2014); 01 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật cho đối tượng là cán bộ, công chức pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ (tháng 8/2014). Theo kế hoạch, dự kiến trong tháng 10/2014, Bộ Tư pháp sẽ tổ chức 01 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Chương trình 585 và 01 lớp bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật theo quy định của Pháp lệnh pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Để tiếp tục nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn của đội ngũ người làm công tác pháp chế theo quy định của Nghị định số 55, Bộ Tư pháp (Trường Đại học Luật Hà Nội, Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật) đã phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng chương trình đào tạo khung các lớp đào tạo văn bằng 2 chuyên ngành luật cho đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế (chưa có bằng cử nhân luật) tại Trường Đại học Luật Hà Nội với chương trình phù hợp. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp đề nghị các Bộ, ngành và địa phương tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ làm công tác pháp chế tham gia để nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức đánh giá tác động sau khi thi hành của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để xác định tính hợp lý, tính khả thi

của các quy định. Từ đó, đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung (*Bộ Y tế*).

Trả lời:

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, trong các năm 2013 - 2014, Bộ Tư pháp đã tiến hành tổng kết, đánh giá sau 05 năm thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2008 và xây dựng dự thảo Luật Ban hành văn bản QPPL (hợp nhất) theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2008.

Trong quá trình tổng kết, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương đánh giá rất cụ thể tình hình, kết quả thi hành, áp dụng từng quy định, chế định của Luật trên cơ sở có đối chiếu với mục tiêu, quan điểm định hướng và những chính sách cơ bản đã được đặt ra khi xây dựng Luật vào năm 2007 như việc đơn giản hoá hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; lập Dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh và thông qua các chính sách cơ bản của các dự án luật, pháp lệnh khi thông qua Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; đổi mới quy trình, thủ tục soạn thảo ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có quy định về trình tự, thủ tục rút gọn; trách nhiệm giải trình về dự thảo luật, pháp lệnh của cơ quan chủ trì soạn thảo,... Kết quả đánh giá tác động sau khi thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2008, đã được Bộ Tư pháp tổng kết chuyển vào nội dung Báo cáo tổng kết thi hành Luật năm 2008 (Báo cáo số 06b/BC-BTP ngày 09/01/2014), Báo cáo đánh giá tác động dự án Luật Ban hành văn bản QPPL (hợp nhất); đồng thời, đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm xây dựng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (hợp nhất).

II. LĨNH VỰC KIỂM TRA, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HOÁ, HỢP NHẤT VĂN BẢN QPPL VÀ PHÁP ĐIỂN HỆ THỐNG QPPL

1. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ về rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; tổ chức tập huấn về công tác hợp nhất văn bản QPPL, pháp điển QPPL để tạo thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ pháp điển cho pháp chế các Bộ, ngành (*UBND thành phố. Hồ Chí Minh; Bộ Nội vụ, Bộ Y tế*).

Trả lời:

a) *Về việc ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL*

Trên cơ sở Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, ngày 15/6/2013, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 09/2013/TT-BTP quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP, trong đó đã hướng dẫn cụ thể các nội dung về nghiệp vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL như: văn bản thuộc trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa của các cơ quan có trách nhiệm rà soát, quy trình rà soát thực hiện việc rà soát văn bản, văn bản là căn cứ pháp lý để rà soát...

Đồng thời với việc ban hành văn bản QPPL để hướng dẫn nghiệp vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản, Bộ Tư pháp còn xuất bản sách để hướng dẫn nghiệp vụ này, như: cuốn "*Một số nội dung quy định về rà soát, hệ thống hóa văn bản*

QPPL” (xuất bản năm 2013); “Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL” (dự kiến xuất bản năm 2015).

Ngoài ra, Bộ Tư pháp đã chủ trì tổ chức 03 Hội nghị triển khai Nghị định số 16/2013/NĐ-CP hướng dẫn tập huấn nghiệp vụ về rà soát, hệ thống hóa văn bản cho cán bộ trực tiếp làm công tác này ở tổ chức pháp chế các Bộ, ngành, địa phương (tháng 7/2013). Tại các Hội nghị này, nhiều vướng mắc cụ thể liên quan đến nghiệp vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của Bộ, ngành, địa phương đã được trao đổi, thảo luận.

Mặt khác, Bộ Tư pháp cũng thường xuyên hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương về nghiệp vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thông qua nhiều hình thức khác, như: công văn, email, điện thoại..., kịp thời xử lý các kiến nghị, phản ánh liên quan đến công tác này. Bên cạnh đó, gắn liền với từng nhiệm vụ cụ thể, Bộ Tư pháp đều có văn bản gửi các Bộ, ngành, địa phương để hướng dẫn triển khai thực hiện.

b) Về tổ chức tập huấn công tác hợp nhất văn bản QPPL để tạo thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao

Để tạo thuận lợi cho việc triển khai thi hành Pháp lệnh hợp nhất văn bản QPPL năm 2012, hàng năm, Bộ Tư pháp đều tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ hợp nhất văn bản QPPL cho cán bộ trực tiếp làm công tác này tại các Bộ, ngành và các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, cụ thể: năm 2012 và năm 2013 tổ chức 04 lớp tập huấn; năm 2014 tổ chức 01 lớp tập huấn (vào các ngày 28, 29 tháng 8/2014 tại Học viện Tư pháp). Các lớp tập huấn này đã hướng dẫn cụ thể về thẩm quyền, trách nhiệm, cách thức tổ chức thực hiện hợp nhất tại các Bộ, ngành, đồng thời hướng dẫn về kỹ thuật hợp nhất văn bản QPPL, đặc biệt còn kết hợp giải đáp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện công tác này tại các Bộ, ngành và các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp.

Bên cạnh đó, năm 2013, Bộ Tư pháp đã biên soạn và xuất bản cuốn “Sổ tay nghiệp vụ kỹ thuật hợp nhất văn bản QPPL” trong đó đã đưa ra các tình huống nghiệp vụ, các ví dụ cụ thể kèm theo các phương án xử lý nhằm hướng dẫn kỹ thuật hợp nhất văn bản QPPL cho công chức trực tiếp làm công tác này.

Ngoài ra, Bộ Tư pháp cũng thường xuyên trao đổi, hướng dẫn các Bộ, ngành xử lý những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện hợp nhất văn bản QPPL (đặc biệt là việc hợp nhất các văn bản QPPL ban hành trước ngày Pháp lệnh hợp nhất văn bản QPPL năm 2012 có hiệu lực), kịp thời xử lý các kiến nghị, phản ánh liên quan đến công tác này.

c) Về tổ chức tập huấn công tác pháp điển QPPL và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ pháp điển cho pháp chế các Bộ, ngành để tạo thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao:

Để tổ chức pháp chế các Bộ, ngành triển khai công tác pháp điển hệ thống QPPL được thuận lợi, sau khi hệ thống thể chế về công tác này cơ bản được hoàn thiện, Bộ Tư pháp đã tổ chức các hội nghị, hội thảo hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ pháp điển cho tổ chức pháp chế các Bộ, ngành và các đơn vị có trách nhiệm thực hiện pháp điển, cụ thể như: Hội nghị triển khai Thông tư số

13/2014/TT-BTP ngày 19/4/2014 hướng dẫn việc thực hiện pháp điển (ngày 12/6/2014); Hội thảo về một số vấn đề xây dựng Bộ Pháp điển (ngày 24/7/2014); Hội nghị triển khai Quyết định số 843/QĐ-TTg ngày 06/6/2014 và Quyết định số 1267/QĐ-TTg ngày 29/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ (ngày 05/9/2014).

Để tiếp tục hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ pháp điển cho các cơ quan thực hiện pháp điển, tháng 10/2014, Bộ Tư pháp sẽ tổ chức lớp tập huấn về nghiệp vụ pháp điển cho cán bộ thuộc tổ chức pháp chế các Bộ, ngành và các đơn vị trực tiếp thực hiện pháp điển. Tại lớp tập huấn này, bên cạnh việc hướng dẫn về chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, Bộ Tư pháp sẽ giải đáp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc các Bộ, ngành thường gặp phải trong quá trình thực hiện pháp điển, giúp các cơ quan này thực hiện tốt hơn công tác pháp điển trên thực tế. Bộ Tư pháp (Học viện Tư pháp) sẽ gửi Công văn đến các cơ quan có thẩm quyền thực hiện pháp điển để thông tin về lớp tập huấn này và đề nghị các cơ quan cử người tham gia theo quy định.

Ngoài ra, hiện nay Bộ Tư pháp đang biên soạn cuốn “*Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật pháp điển*” (dự kiến xuất bản vào cuối năm 2014) để tổ chức pháp chế các Bộ, ngành, địa phương thuận lợi hơn trong quá trình triển khai thực hiện công tác pháp điển, góp phần xây dựng Bộ Pháp điển chất lượng, đúng lộ trình.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc tổ chức các hoạt động kiểm tra văn bản chuyên đề tại địa phương (*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

Trả lời:

Thời gian qua, Bộ Tư pháp đã tổ chức các Đoàn kiểm tra liên ngành về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL tại một số địa phương, chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực: tư pháp, tài chính, tài nguyên và môi trường, nội vụ... Theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu để có thể phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổ chức hoạt động kiểm tra về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trong thời gian tới (Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Vụ Pháp chế phối hợp với Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ Tư pháp đề xuất kế hoạch, nội dung kiểm tra).

III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT

1. Đề nghị Bộ Tư pháp xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính và Nghị định quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính để phục vụ tốt hơn cho công tác xử lý vi phạm hành chính cũng như việc theo dõi đối với công tác xử lý vi phạm hành chính được thuận lợi, hiệu quả (*UBND các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Hà Nam, Lâm Đồng*).

Trả lời:

Triển khai Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Quyết định số 1473/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch

triển khai và Danh mục nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính thì Bộ Tư pháp được giao nhiệm vụ xây dựng Nghị định quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, trình Chính phủ vào tháng 10/2013 và Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, trình Thủ tướng Chính phủ vào tháng 6/2014. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định và Đề án nêu trên có một số vấn đề rất phức tạp, đòi hỏi cần phải có thêm thời gian để nghiên cứu, thống nhất về nội dung của dự thảo Nghị định và Đề án, bảo đảm tính khả thi trước khi trình Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Ví dụ như: (i) phạm vi thông tin cần cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; (ii) trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; (iii) mô hình quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; (iv) nguồn nhân lực để triển khai thực hiện. Trên cơ sở đề xuất của Bộ Tư pháp, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý lùi thời gian trình dự thảo Nghị định và dự thảo Đề án nêu trên đến tháng 12/2014.

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang khẩn trương triển khai việc nghiên cứu, xây dựng Nghị định quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính và Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành theo kế hoạch.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị tập huấn theo hướng chuyên sâu để các địa phương nắm bắt các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành, tạo điều kiện để các địa phương được trao đổi, kiến nghị trả lời nhiều vấn đề khó khăn, vướng mắc mà hiện nay địa phương gặp phải trong thời gian đầu triển khai thực hiện Luật và các văn bản hướng dẫn (*UBND các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Hưng Yên, Lâm Đồng, Quảng Trị, Sơn La*).

Trả lời:

Sau khi Luật Xử lý vi phạm hành chính được thông qua, Bộ Tư pháp đã tổ chức 02 Hội nghị triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị quyết số 24/2012/QH13 của Quốc hội tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh với sự tham gia của đại diện lãnh đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp, đồng thời kết hợp tập huấn thi hành Luật và Nghị quyết của Quốc hội cho các cán bộ làm công tác pháp chế, cán bộ trực tiếp làm công tác xử lý vi phạm hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và một số địa phương. Trong quá trình phổ biến, triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp luôn lưu ý các Bộ, cơ quan ngang Bộ cần áp dụng các quy định về xử lý vi phạm hành chính có lợi cho đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính kể từ ngày Luật được công bố mà không đợi đến khi Luật có hiệu lực thi hành, theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 24/2012/QH13.

Theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Ngành Tư pháp năm 2014, Bộ Tư pháp dự kiến tổ chức 04 lớp tập huấn chuyên sâu về xử lý vi phạm hành chính tại Hà Nội, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh. Lớp tập huấn đầu tiên đã được tổ chức thành công tại TP. Hồ Chí Minh vào các ngày 23, 24 và 25/7/2014. Nội dung tập huấn tập trung vào những điểm mới trong xử phạt vi

phạm hành chính của Luật Xử lý vi phạm hành chính so với Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2008); những vấn đề chung về Xử lý vi phạm hành chính; các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả; thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính; thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt; các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính; xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên và các biện pháp thay thế; tổ chức thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị quyết số 24/2012/QH13 về việc thi hành Luật. Đối tượng được mời tham dự tập huấn là các cán bộ, công chức và một số chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính tại các địa phương khu vực phía Nam, khu vực miền Trung và Tây Nguyên, khu vực phía Bắc.

Thông qua các lớp tập huấn chuyên sâu về xử lý vi phạm hành chính, các Bộ, ngành, địa phương có điều kiện hỏi, trao đổi về những vấn đề khó khăn vướng mắc gặp phải trong thời gian đầu triển khai thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết, đồng thời, cùng kiến nghị những giải pháp nhằm tiếp tục triển khai thi hành một cách đồng bộ và có hiệu quả.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị với Ủy ban Thường vụ Quốc hội sớm ban hành Pháp lệnh quy định trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để có căn cứ thực hiện (*UBND tỉnh Tuyên Quang*).

Trả lời:

Ngày 20/01/2014, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân. Pháp lệnh này có hiệu lực kể từ ngày ký, tức là ngày 20/01/2014. Trên cơ sở đó, đề nghị các địa phương chủ động tổ chức tuyên truyền, phổ biến về nội dung của Pháp lệnh để các ngành, các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức triển khai thực hiện.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành liên quan sớm ban hành văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành (*UBND tỉnh Tuyên Quang*).

Trả lời:

Nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính được quy định tại Điều 17 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Ngày 19/7/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, trong đó, tại Chương II của Nghị định đã có các quy định cụ thể nội dung và trách nhiệm quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính. Ngày 25/10/2013, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện quản lý thống nhất công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm

hành chính của Bộ Tư pháp, các Bộ và các cơ quan tư pháp địa phương” tại Quyết định số 1950/QĐ-TTg. Trước mắt, Bộ Tư pháp đề nghị các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, áp dụng các quy định của Điều 17 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và Quyết định số 1950/QĐ-TTg để triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác xử lý vi phạm hành chính. Trong thời gian từ nay đến cuối năm 2014, Bộ Tư pháp sẽ khẩn trương nghiên cứu, xây dựng và ban hành Thông tư, Thông tư liên tịch hướng dẫn cụ thể các văn bản nêu trên để triển khai sớm, thống nhất nhiệm vụ quản lý công tác xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi cả nước.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường công tác bồi dưỡng nghiệp vụ trong lĩnh vực theo dõi tình hình thi hành pháp luật cho đội ngũ công chức, viên chức nhằm nâng cao kỹ năng và trình độ nghiệp vụ (*UBND thành phố Hồ Chí Minh*).

Trả lời:

Thực hiện Quyết định số 624/QĐ-BTP ngày 21/3/2014 ban hành Kế hoạch triển khai công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2014 của Bộ Tư pháp, Bộ Tư pháp đã tổ chức 03 hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên toàn quốc. Nội dung tập huấn tập trung vào giới thiệu khái quát về vị trí, vai trò của công tác thi hành pháp luật, nội dung cơ bản của Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; hướng dẫn những kỹ năng, nghiệp vụ về đánh giá tình hình thi hành pháp luật, công tác lập kế hoạch, thu thập và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật; giới thiệu những nội dung cơ bản của Kế hoạch theo dõi liên ngành về tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm theo chuỗi sản phẩm rau, củ, quả và chè.

Thông qua các hội nghị tập huấn, cán bộ, công chức làm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật đã được trang bị những kiến thức cơ bản về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, một số nghiệp vụ chuyên sâu và nhiều ví dụ minh họa cụ thể có tính thực tiễn cao để các cán bộ, công chức làm công tác theo dõi thi hành pháp luật có thêm kinh nghiệm thực tiễn trong việc triển công tác ở các Bộ, ngành, địa phương.

IV. LĨNH VỰC KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét giao quyền chủ động và chịu trách nhiệm của địa phương trong việc cập nhật, công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi địa phương quyết định công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ, hủy bỏ, đảm bảo cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu quốc gia nhưng vẫn hệ thống hóa các bộ thủ tục hành chính ở địa phương (*UBND thành phố Đà Nẵng*).

Trả lời:

Hoạt động công bố, công khai TTHC được quy định tại các điều: 12, 13, 14, 16, 15, 17, 23, 24, 25 và Khoản 1 Điều 19 Nghị định về kiểm soát TTHC

(hợp nhất), trong đó có Điều 15, Điều 24 và Điều 26 đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 12 của Nghị định 48/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó, trong việc tổ chức thực hiện TTHC, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức nhập các TTHC và văn bản quy định về TTHC đã được công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

Bên cạnh đó, để đảm bảo việc công khai thống nhất, đồng bộ, tạo thuận lợi tối đa cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân tìm hiểu, thực hiện TTHC, việc công khai phải giao cho một đầu mối thực hiện. Với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước về kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp đã được Chính phủ giao trách nhiệm đăng tải/công khai dữ liệu về TTHC đã được Bộ, ngành, địa phương cập nhật và đề nghị đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Như vậy, trách nhiệm của các cơ quan trong việc cập nhật TTHC, công khai TTHC đã được Chính phủ giao rất rõ ràng¹. Bộ Tư pháp trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quan tâm, chỉ đạo các Sở ngành chuyên môn, UBND cấp huyện, cấp xã nghiêm túc thực hiện quy định của Chính phủ.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp đôn đốc các Bộ, ngành kịp thời công bố các TTHC mới ban hành, TTHC được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ để tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương rà soát, tra cứu thông tin; hướng dẫn để các địa phương áp dụng các quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 05/2014/TT-BTP vì quy định như vậy nhiều địa phương sẽ hiểu theo hướng Quyết định công bố của UBND cấp tỉnh chỉ được công bố khi Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đã ban hành Quyết định công bố. Điều này không hợp lý vì tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 48/2013/NĐ-CP quy định “Quyết định công bố TTHC của các cơ quan quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 13 của Nghị định này phải được ban hành chậm nhất trước 05 (năm) ngày làm việc tính đến ngày văn bản QPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành”. Mặt khác Quyết định công bố của các Bộ ngành thường ban hành chậm; việc địa phương công bố mà phải căn cứ vào Quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ sẽ không thể hiện được tính chủ động của địa phương trong việc kiểm soát TTHC (*UBND tỉnh Hà Nam*).

¹ Theo đó:

- Khoản 2 Điều 13 quy định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Khoản 1 Điều 19. Trách nhiệm người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Chịu trách nhiệm công bố, tổ chức nhập dữ liệu về thủ tục hành chính đã công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định tại các điều 13, 14, 15 và 24 của Nghị định này; tổ chức thực hiện nghiêm túc các thủ tục hành chính đã công bố công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

- Điều 24. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức việc nhập các thủ tục hành chính và văn bản quy định về thủ tục hành chính đã được công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và gửi Cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính chậm nhất trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của thủ tục hành chính và văn bản quy định về thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Trả lời:

1. Về đề nghị Bộ Tư pháp đôn đốc các Bộ, ngành kịp thời công bố các TTHC mới ban hành, TTHC được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ để tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương rà soát, tra cứu thông tin:

Xác định tầm quan trọng của việc công bố công khai TTHC nhất là TTHC thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của các Bộ, ngành², để bảo đảm thực hiện thống nhất quy trình công bố TTHC, ngày 03/6/2014, Bộ Tư pháp đã ban hành **Công văn số 2531/BTP-KSTT**, trong đó đã đề nghị Bộ, ngành thực hiện công bố TTHC kịp thời và gửi cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương, Sở Tư pháp theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 05/2014/TT-BTP.

Bộ Tư pháp tiếp tục coi việc theo dõi, nắm bắt tình hình và đôn đốc nhắc nhở Bộ, ngành thực hiện nghiêm túc quy định về công bố TTHC là việc làm thường xuyên, liên tục của công tác quản lý. Bộ Tư pháp tin tưởng với sự quan tâm, thực hiện nghiêm túc của các Bộ, ngành, công tác công bố TTHC sẽ có những chuyển biến tích cực trong thời gian tới.

2. Về đề nghị hướng dẫn địa phương áp dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 05/2014/TT-BTP:

Nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 05/2014/TT-BTP đã được Bộ Tư pháp hướng dẫn rõ ràng. Xác định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc: *quy định như điểm a, khoản 1, Điều 7 thì nhiều địa phương sẽ hiểu theo hướng: quyết định công bố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ được công bố khi Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đã ban hành quyết định công bố* là hoàn toàn đúng nội dung hướng dẫn của Thông tư số 05/2014/TT-BTP.

Theo quy định của pháp luật hiện hành và thực tiễn thực hiện, hầu hết quy định về cơ chế, chính sách, nhất là quy định về TTHC chủ yếu nằm trong các văn bản QPPL do cơ quan Trung ương ban hành. Trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản QPPL có nội dung về TTHC thì văn bản đó phải được cơ quan có thẩm quyền ủy quyền hoặc giao nhiệm vụ và phải bảo đảm có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được giao quy định chi tiết hoặc hướng dẫn thi hành. Như vậy, quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải được ban hành trước nhằm bảo đảm giá trị gốc (giá trị ban đầu) của quyết định công bố để các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận và sử dụng làm cơ sở xây dựng quyết định công bố, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành để thực hiện tại địa phương.

Nội dung quy định tại Điều 7 Thông tư số 05/2014/TT-BTP đảm bảo gắn kết giữa quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, đồng thời phát huy vai trò quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực của Bộ, cơ quan ngang Bộ; đặc biệt

² Nếu một Bộ, cơ quan ngang Bộ chậm ban hành quyết định công bố sẽ kéo theo các địa phương cũng chậm ban hành quyết định công bố và ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức thực thi quy định về thủ tục hành chính

bảo đảm tổ chức thực thi ngay các quy định về TTHC và khắc phục tình trạng thiếu thống nhất trong công bố TTHC giữa Bộ, cơ quan ngang Bộ với các địa phương và giữa các địa phương với nhau. Mặt khác, quy định về thời hạn ban hành quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là phù hợp với thời điểm có hiệu lực thi hành của văn bản quy định tại Điều 51 Luật Ban hành văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004³.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về công tác kiểm soát thủ tục hành chính cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhằm nâng cao kỹ năng và trình độ nghiệp vụ (*UBND thành phố Hồ Chí Minh*).

Trả lời:

Thực hiện Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC và Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, đến đầu năm 2014 các Bộ, ngành, địa phương đã hoàn thành chuyển giao nhiệm vụ, tổ chức bộ máy làm công tác kiểm soát TTHC từ hệ thống Văn phòng sang tổ chức Pháp chế, Sở Tư pháp. Để tiếp tục duy trì nhịp độ và nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp đã xác định các trọng tâm nhiệm vụ về kiểm soát TTHC, trong đó có công tác hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát TTHC. Do vậy, tháng 05/2014, Bộ Tư pháp đã tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho đội ngũ những người làm công tác kiểm soát TTHC của các Bộ, ngành, địa phương, đồng thời cung cấp tài liệu, giáo trình để những cán bộ, chuyên viên đã được tập huấn tiếp tục tập huấn lại cho những cán bộ đầu mối làm công tác kiểm soát TTHC. Trước đó (từ năm 2011 đến năm 2013), công tác tập huấn nghiệp vụ kiểm soát TTHC đều được tổ chức định kỳ hàng năm cho đội ngũ những người làm công tác kiểm soát TTHC trên cả nước.

Đồng thời, Bộ đã phát hành Sổ tay nghiệp vụ kiểm soát TTHC với đầy đủ những kiến thức, kỹ năng cơ bản của kiểm soát TTHC để cung cấp cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính và những người tham gia công tác này.

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu, đổi mới phương pháp và tăng cường tập huấn về kiểm soát TTHC cho các Bộ, ngành, địa phương để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác.

Tuy nhiên, bên cạnh việc tập huấn của Bộ Tư pháp, để nâng cao nghiệp vụ và đưa công tác kiểm soát TTHC tiếp tục có những chuyển biến tích cực, Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm hơn nữa đến công tác này; đồng thời, chỉ đạo Giám đốc Sở Tư pháp chỉ đạo đơn vị làm công tác kiểm soát TTHC nghiên cứu tài liệu tập huấn về kiểm soát TTHC của Bộ Tư pháp để tiếp tục tập huấn lại cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh, thành phố.

V. LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ

³ Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.

1. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ sớm ban hành Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV, ngày 28/4/2009 của Bộ Tư pháp - Bộ Nội vụ để Ủy ban nhân dân tỉnh sớm kiện toàn cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và Công chức Tư pháp - Hộ tịch trên địa bàn (UBND các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Phước, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Hậu Giang, Hưng Yên, Quảng Trị, Tuyên Quang).

Trả lời:

Triển khai thực hiện Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13/3/2013 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp, Bộ Tư pháp đã khẩn trương phối hợp cùng với các đơn vị có liên quan của Bộ Nội vụ và các cơ quan tư pháp địa phương để tổng kết, đánh giá và sửa đổi Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và công tác tư pháp của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Ngày 04/4/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 24/2014/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Đây là các văn bản liên quan trực tiếp và là cơ sở pháp lý cho việc ban hành dự thảo Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV. Căn cứ các Nghị định nêu trên, Bộ Tư pháp đang tích cực phối hợp với Bộ Nội vụ hoàn thiện, ban hành Thông tư liên tịch này.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm làm việc, thống nhất với Bộ Nội vụ về việc bổ sung biên chế để phục vụ cho công tác Tư pháp tại địa phương như công tác: Lý lịch tư pháp, bồi thường Nhà nước, theo dõi thi hành pháp luật, quản lý Xử lý vi phạm hành chính... (UBND các tỉnh: Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đắk Nông, Hậu Giang, Kiên Giang, Quảng Trị, Sơn La, Tuyên Quang).

Trả lời:

Để bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ thông qua các Đề án về kiện toàn tổ chức, biên chế thực hiện các nhiệm vụ của Bộ, ngành Tư pháp, đặc biệt là các nhiệm vụ mới được giao trong các lĩnh vực lý lịch tư pháp, bồi thường nhà nước và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Tuy nhiên, theo Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức, biên chế và việc quyết định biên chế phải được thực hiện trên cơ sở căn cứ về vị trí việc làm, quy mô, khối lượng công việc tại địa phương và phải được thực hiện trên cơ sở kế hoạch biên chế của địa phương. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ vào các văn bản đã ban hành (bao gồm: Quyết định số 2369/QĐ-TTg; Quyết định số 1950/QĐ-TTg, Thông tư liên tịch số 18/2011/TTLT-BTP-BNV về việc kiện

toàn tổ chức bộ máy và biên chế trong các lĩnh vực lý lịch tư pháp, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính) để đề xuất việc bổ sung biên chế cho Sở Tư pháp.

Trên cơ sở đề xuất của các địa phương, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ trong việc tham mưu, trình Chính phủ quyết định phương án biên chế theo quy định của pháp luật để bảo đảm triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

3. Đề nghị chế độ phụ cấp thâm niên cho cán bộ, công chức Ngành Tư pháp; quy định chức danh công chức làm công tác lý lịch tư pháp và chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức làm công tác tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin tại các cơ quan có liên quan (*UBND tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Sơn La*).

Trả lời:

Trong thời gian qua, việc nghiên cứu, xây dựng các chế độ, chính sách đặc thù đối với cán bộ của Ngành Tư pháp đã được quan tâm thực hiện. Bộ Tư pháp đã tham mưu, trình cơ quan có thẩm quyền các chế độ đối với giám định viên tư pháp, trợ giúp viên pháp lý, cán bộ pháp chế... Tuy nhiên, theo Kết luận số 63-KL/TW ngày 27/5/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa IX về một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020, vấn đề về chính sách tiền lương sẽ được nghiên cứu, xây dựng trong tổng thể chung. Và trong thời gian Trung ương chưa thông qua Đề án cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong các doanh nghiệp nói chung thì sẽ “không bổ sung các loại phụ cấp ưu đãi, trách nhiệm, đặc thù theo ngành, nghề”.

Do vậy, hiện nay, các cơ quan có thẩm quyền sẽ không xem xét, quyết định đối với các chế độ phụ cấp đặc thù. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tích cực phối hợp với Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành có liên quan để tiếp tục đề xuất các chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp đối với công chức Ngành Tư pháp trong Đề án cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong các doanh nghiệp làm cơ sở để triển khai thực hiện khi được ban hành.

4. Đề nghị có chính sách thu hút đối với cán bộ có trình độ Đại học Luật về công tác tại Sơn La và các tỉnh miền núi (*UBND tỉnh Sơn La*).

Trả lời:

Trong thời gian qua, việc ban hành các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức đã quan tâm đến việc thu hút cán bộ đối với các tỉnh có khó khăn về nguồn nhân lực, trực tiếp là Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ quy định về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đồng thời, thực hiện Kết luận số 86-KL/TW ngày 24/01/2014 của Bộ Chính trị về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, các nhà khoa học trẻ, hiện nay Bộ Nội

vụ cũng đang xây dựng Nghị định về thu hút cán bộ vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị trong bộ máy nhà nước nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Trong phạm vi của địa phương, nhiều nơi cũng đã có chính sách thu hút cán bộ về công tác tại địa phương, đặc biệt là những cán bộ có trình độ thạc sỹ, tiến sỹ, tốt nghiệp đại học loại giỏi, xuất sắc... Vì vậy, địa phương cũng cần chủ động giao cho các cơ quan, ban, ngành có liên quan xác định nhu cầu, xây dựng quy hoạch cán bộ địa phương để từ đó có chính sách phù hợp để thu hút cán bộ công tác tại địa phương.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn và việc bố trí công chức Tư pháp - Hộ tịch để cấp huyện, cấp xã thực hiện thống nhất, đảm bảo đúng quy định (*UBND tỉnh Hưng Yên*).

Trả lời:

Hiện nay, điều kiện, tiêu chuẩn và việc bố trí công chức Tư pháp - Hộ tịch được quy định trong các văn bản có liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã cũng như các văn bản về các lĩnh vực công tác tư pháp, bao gồm: Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã); và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/5/2010 hướng dẫn Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch; Thông tư số 06/2012/TT-BNV hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn...

Trên cơ sở rà soát các văn bản nêu trên, Bộ Tư pháp cũng nhận thấy cần thiết phải hệ thống các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn và việc bố trí công chức Tư pháp - Hộ tịch để bảo đảm thuận lợi trong việc áp dụng. Do vậy, trong quá trình xây dựng dự thảo Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với Bộ Nội vụ để có thể quy định cụ thể về tiêu chuẩn và việc bố trí công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được giao của các Bộ.

6. Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tư pháp tại địa phương, chú trọng một số lĩnh vực mới triển khai thực hiện hoặc có nhiều khó khăn vướng mắc như công tác theo dõi thi hành pháp luật, công tác pháp chế, công tác quản lý nhà nước về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, công tác xử lý vi phạm hành chính... (*UBND các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Đắk Nông, Hậu Giang, Quảng Trị*).

Trả lời:

Theo các quy định của pháp luật về quản lý cán bộ, công chức và phân cấp trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ tư pháp, trong đó có công chức tư pháp cơ sở thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của địa phương. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hàng năm cũng được Bộ Nội vụ cấp cho các địa phương theo chỉ tiêu biên chế của địa phương và định mức đã được quy định. Do đó, các Sở Tư pháp cần phối hợp với Sở Nội vụ xác định nhu cầu, xây dựng và trình Ủy ban nhân dân phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm về các lĩnh vực công tác tư pháp và cho cán bộ, công chức tư pháp các cấp.

Với vai trò là Bộ quản lý chuyên ngành, trong thời gian qua, Bộ Tư pháp cũng giao các đơn vị chức năng tích cực phối hợp với các cơ quan có liên quan để tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, trong đó đã chú trọng đến các lĩnh vực công tác mới được giao. Theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2014, Bộ sẽ tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chung hoặc theo các chuyên đề cho các công chức tư pháp địa phương. Đề nghị các địa phương quan tâm cử và tạo điều kiện để cán bộ tham dự theo đúng thành phần và tham gia tích cực vào các lớp bồi dưỡng, tập huấn. Về các lĩnh vực nêu trong kiến nghị, đề nghị các cơ quan xem xét phân trả lời về việc đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn công tác tư pháp ở các lĩnh vực cụ thể.

VI. LĨNH VỰC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

1. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu sửa đổi Thông tư 20/2013/TT-BTP, việc thống kê ước tính số liệu 2 tháng cuối sẽ dẫn đến một số nội dung không phù hợp, cụ thể Mẫu 01. Số lượng Nghị quyết của HĐND được ban hành (cột số 6) không hợp lý vì HĐND thường họp vào tháng 6, 12 hàng năm nên số lượng Nghị quyết ban hành không thể ước lượng theo số lượng ban hành trung bình của các tháng. Do đó, nếu xác định theo cách tính của Thông tư số 20 (tính 4 tháng đầu và ước tính 2 tháng cuối) thì sẽ không có tính, thành phố nào có Nghị quyết tại báo cáo 6 tháng hoặc số lượng báo cáo cuối năm (lần 1) sẽ thấp hơn so với thực tế vì chỉ tính được số Nghị quyết của kỳ họp HĐND vào tháng 6. Đối với mẫu số 02, tương tự mẫu 01 cách xác định số lượng Nghị quyết của HĐND được thẩm định cũng không hợp lý vì số lượng Nghị quyết được thẩm định 6 tháng đầu năm thường rơi vào tháng 5 hoặc tháng 6 (gần kỳ họp HĐND). Do đó, việc lấy số liệu Nghị quyết của 4 tháng đầu làm cơ sở để ước lượng số lượng 2 tháng cuối của kỳ báo cáo là không hợp lý (*UBND thành phố Đà Nẵng*).

Trả lời:

Về vấn đề này, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 20/2013/TT-BTP ngày 03/12/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp và Phụ lục IV hướng dẫn về phương pháp ước tính số liệu thống kê được ban hành kèm theo Thông tư số 20/2013/TT-BTP đã quy định phương pháp ước tính số liệu trong kỳ báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần một (được tính theo phương pháp bình quân số học giản đơn). Phụ lục IV cũng đã quy định rõ “Số liệu thống kê là yếu tố động, gắn với thực tiễn nên không thể

đơn thuần xác định bằng các công thức toán học mà còn phải dựa vào yếu tố thực tiễn đặc thù quản lý nhà nước trong lĩnh vực thống kê được ước tính”. Do vậy, đối với trường hợp thống kê theo các biểu số 01 và 02 thì việc ước tính số liệu có thể không theo công thức tính bình quân số học giản đơn mà căn cứ vào số lượng văn bản QPPL dự kiến trình ban hành theo Kế hoạch ban hành văn bản QPPL hàng năm của địa phương (trong đó có dự kiến số lượng nghị quyết của Hội đồng nhân dân) và tình hình thực tế triển khai Kế hoạch đó cũng như thực tế soạn thảo, ban hành văn bản QPPL của địa phương trong năm để thực hiện ước tính, đảm bảo sát với thực tiễn.

Bộ Tư pháp giải thích thêm về việc quy định sử dụng số liệu thống kê ước tính tại Thông tư số 20/2013/TT-BTP như sau:

- Thứ nhất, về mặt pháp lý, số liệu thống kê ước tính đã được quy định tại Quyết định số 34/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chính sách phổ biến thông tin thống kê nhà nước.

- Thứ hai, về mặt thực tiễn, số liệu thống kê ước tính là một trong ba loại số liệu thống kê thông dụng được cơ quan thống kê Trung ương sử dụng trong nhiều năm qua để tính các chỉ số thống kê trong những thời điểm cần thiết, phục vụ cho đánh giá kết quả phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ, Quốc hội hàng năm và dài hạn. Thống kê ước tính cũng đang được đa số các Bộ, ngành áp dụng và quy định tại chế độ báo cáo thống kê của Bộ, ngành mình như Bộ Kế hoạch và Đầu Tư, Bộ Công thương, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính,...

Việc Thông tư số 20/2013/TT-BTP quy định áp dụng phương pháp chuyên môn thống kê để ước tính số liệu thống kê trong kỳ báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần một là bước đổi mới trong công tác thống kê của Ngành, đảm bảo áp dụng các phương thức thống kê theo đúng quy chuẩn của thống kê hiện hành, góp phần đa dạng hóa “đầu ra” của sản phẩm thông tin thống kê, giúp cung cấp những thông tin thống kê kịp thời phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành, công tác sơ kết, tổng kết Ngành và các mục đích sử dụng thông tin thống kê khác nhau của Bộ, ngành.

(Những thông tin liên quan đến lý do sử dụng số liệu thống kê ước tính đã được nêu khá chi tiết trong Cuốn Tài liệu tập huấn triển khai Thông tư số 20/2013/TT-BTP của Bộ Tư pháp và cũng đã được trình bày khá cặn kẽ tại các Lớp tập huấn Thông tư nói trên).

2. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính sớm ban hành văn bản mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định về kinh phí đối với các hoạt động về xây dựng văn bản; theo dõi tình hình thi hành pháp luật phù hợp với tình hình hiện nay (Bộ Nội vụ).

Trả lời:

Ngày 14/7/2014, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ đã ban hành Thông tư liên tịch số 92/2014/TTLT-BTC-BTP-VPCP hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp

luật, trong đó đã quy định các mức kinh phí phù hợp hơn với thực tiễn. Thông tư liên tịch mới có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2014 và thay thế Thông tư liên tịch số 192/2010/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 02/12/2010.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính để hướng dẫn các quy định về nội dung chi, mức chi phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở thay thế các nội dung quy định tại Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14/5/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật để làm cơ sở triển khai, thực hiện Luật hòa giải ở cơ sở (*UBND tỉnh Hà Nam*).

Trả lời:

Ngày 30/7/2014, Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở. Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP có hiệu lực kể từ 15/9/2014 và bãi bỏ các quy định về nội dung chi, mức chi phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở tại Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14/5/2010.

Mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở tại Thông tư liên tịch mới là mức chi tối đa. Căn cứ khả năng ngân sách và tình hình thực tế ở địa phương, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm, chỉ đạo các cơ quan của tỉnh nghiên cứu, tham mưu cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp quy định cụ thể mức chi của địa phương nhưng không vượt quá mức chi tối đa quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP. Trường hợp các địa phương chưa ban hành văn bản quy định cụ thể mức chi thì được áp dụng quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP để thực hiện.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính sớm có văn bản hướng dẫn Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và Nghị định số 28/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (So với công tác khác, việc thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật phụ thuộc rất nhiều vào nguồn kinh phí. Đa phần các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật hiện nay nếu không có kinh phí bảo đảm thì không thể thực hiện được. Tuy nhiên, nguồn kinh phí hàng năm được bố trí cho công tác này rất hạn chế, định mức chi cho các nhiệm vụ phổ biến pháp luật còn thấp là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những hạn chế của công tác này) - (*Bộ Giao thông - Vận tải*).

Trả lời:

Ngày 27/01/2014, liên Bộ Tài chính - Tư pháp đã ban hành Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật và tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở, trong đó quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; kinh phí phục vụ hoạt động của Hội đồng phối hợp

PBGDPL các cấp, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật các cấp; các Chương trình, Đề án, Kế hoạch về PBGDPL và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở...

VII. LĨNH VỰC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC

1. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính tháo gỡ vướng mắc khi triển khai thực hiện Thông tư số 02/2014/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để triển khai áp dụng thống nhất như: lệ phí khi thay đổi cải chính hộ tịch cho người trên 14 tuổi không được quy định tại phần “mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện”, đồng thời cũng không được quy định tại mục “miễn lệ phí hộ tịch”; tại mục “Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” quy định về “cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ bản gốc” không phù hợp vì đây là hành vi chứng thực. Phải quy định là “cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch” theo quy định tại Điều 64 - Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch (UBND tỉnh Hà Nam).

Trả lời:

Qua chủ động theo dõi và phản ánh của một số Sở Tư pháp, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực đã phát hiện một số vấn đề vướng mắc trong việc triển khai thực hiện quy định về lệ phí hộ tịch theo Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính. Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực đã phối hợp với Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế trao đổi trực tiếp với Vụ Chính sách thuế (Bộ Tài chính) về các nội dung vướng mắc trên, đồng thời có Công văn số 2882/HTQTCT-HT ngày 03/6/2014 hướng dẫn các địa phương việc thực hiện quy định về lệ phí hộ tịch trong giai đoạn chuyển tiếp (khi các địa phương chưa ban hành văn bản mới của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về lệ phí hộ tịch). Hiện tại, Bộ Tài chính đang triển khai thực hiện việc tổng kết kết quả thực hiện Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân.

Bộ Tư pháp tiếp thu kiến nghị của UBND tỉnh Hà Nam và các địa phương, sẽ có văn bản trao đổi các nội dung kiến nghị để Bộ Tài chính tổng hợp, điều chỉnh trong văn bản thay thế Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg, ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2014/TT-BTC.

2. Về việc bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 6 - Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31/12/2013 của Bộ Tư pháp: Giấy xác nhận công dân Việt Nam đã được tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài do Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài cấp cho công dân Việt Nam để bổ sung hồ sơ đăng ký kết hôn và khi đề nghị cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người Việt Nam cư trú trong nước để đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài (UBND tỉnh Hà Nam).

Trả lời:

“Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình, về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, không quy định Giấy xác nhận đã được tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài là thành phần bắt buộc trong hồ sơ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú trong nước để kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài. Nghị định chỉ giao cho Bộ Tư pháp *quy định bổ sung giấy xác nhận của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài về việc công dân Việt Nam đã được tư vấn, hỗ trợ về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài trong hồ sơ đăng ký kết hôn nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài* (khoản 3 Điều 7). Do đó, Thông tư của Bộ Tư pháp không thể quy định bổ sung loại giấy tờ này như một thành phần hồ sơ bắt buộc, việc bổ sung quy định sẽ đặt thêm thủ tục, trái với Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

Đề nghị các địa phương tiếp tục nghiên cứu, kiến nghị bổ sung nội dung này và các vấn đề khác về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014) đang được Bộ Tư pháp gửi xin ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp tại địa chỉ: <http://moj.gov.vn/dtvppl/Pages/Default.aspx>.

Bộ Tư pháp tiếp thu ý kiến của UBND tỉnh Hà Nam và sẽ tiếp tục tổng hợp phản ánh, kiến nghị của địa phương, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 24/2013/NĐ-CP, nếu có cơ sở chứng minh sự cần thiết phải bổ sung quy định này thì sẽ kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 24/2013/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung Thông tư số 22/2013/TT-BTP.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm tham mưu cho Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật Chứng thực, quy định rõ thẩm quyền chứng thực ở từng cấp sao cho phù hợp với trình độ của cán bộ, công chức và phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan nhà nước các cấp (*UBND các tỉnh: Tuyên Quang, Hà Nam, Sóc Trăng*).

Trả lời:

- Theo Nghị quyết số 20/2011/QH13 ngày 26/11/2011 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội khóa XIII, dự án Luật Chứng thực đã được đưa vào chương trình của toàn khóa. Tuy nhiên, sau khi Quốc hội thông qua Hiến pháp năm 2013, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Hiến pháp, thì yêu cầu hoàn thiện các đạo luật về tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm quyền công dân cũng như phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế của đất nước được ưu tiên bố trí trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2014, 2015 của Quốc hội. Do đó, tạm thời Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa đưa dự án Luật Chứng thực (cùng một số dự án luật khác) vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của năm 2014 - 2015.

- Trước mắt, để giải quyết kịp thời các vướng mắc liên quan đến thể chế như phản ánh của địa phương (về thẩm quyền chứng thực, chứng thực giấy ủy quyền), Bộ Tư pháp đang xây dựng dự thảo Nghị định về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (thay thế quy định về chứng thực hợp đồng, giao dịch tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 8/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực và các quy định về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký tại Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 8/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và Nghị định số 04/2012/NĐ-CP ngày 20/1/2012 sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP). Nghị định này sẽ điều chỉnh toàn diện, đồng bộ hoạt động chứng thực, tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho hoạt động chứng thực. Để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, dự thảo Nghị định quy định theo hướng: Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực chữ ký trong giấy ủy quyền đối với các việc ủy quyền không có thù lao, không có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền hoặc không phải là các ủy quyền liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản. Đồng thời, dự thảo Nghị định cũng quy định rõ thẩm quyền chứng thực của từng cấp (Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã), quy định này không những đảm bảo sự phù hợp, đồng bộ với Luật Công chứng sửa đổi năm 2014 và các quy định của pháp luật có liên quan, mà còn phù hợp với trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức ở từng cấp. Dự thảo Nghị định dự kiến sẽ trình Chính phủ trong tháng 9/2014.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm nghiên cứu, sớm có văn bản hướng dẫn các nội dung Sở Tư pháp đã đề xuất, báo cáo trong các văn bản sau:

- Công văn số 1986/STP-HT ngày 21/4/2014 xin ý kiến trao đổi nghiệp vụ hộ tịch;

- Công văn số 1060/STP-HT ngày 05/3/2014 xin ý kiến chỉ đạo một số vấn đề về vướng mắc liên quan đến quy định của pháp luật về hộ tịch (*UBND thành phố Hồ Chí Minh*).

Trả lời:

Ngày 06/6/2014, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực đã có các Công văn số 2892/HTQTCT-HT, số 2893/HTQTCT-HT gửi Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh về việc trả lời và hướng dẫn giải quyết các nội dung vướng mắc nêu tại Công văn số 1986/STP-HT ngày 21/4/2014 và Công văn số 1060/STP-HT ngày 05/3/2014.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm xây dựng phần mềm đăng ký quản lý hộ tịch dùng chung thống nhất từ cấp xã, huyện, tỉnh và Bộ Tư pháp để thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu về hộ tịch phục vụ công tác tra cứu, xác minh và thống kê được thuận tiện và khoa học (*UBND tỉnh Lâm Đồng*).

Trả lời:

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao, Bộ Tư pháp đang phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiến hành nghiên cứu, xây dựng Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc, dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ vào tháng

12/2014. Mục tiêu của việc xây dựng Đề án nhằm ứng dụng đồng bộ công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý hộ tịch trên phạm vi toàn quốc. Trên cơ sở đó hình thành cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử tập trung, thống nhất nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính của công dân, từng bước thực hiện các cấp độ dịch vụ công trong đăng ký hộ tịch, tiến tới việc đăng ký hộ tịch trực tuyến để phục vụ lợi ích của người dân. Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử được xây dựng bảo đảm kết nối để trao đổi, cung cấp thông tin hộ tịch cơ bản của cá nhân cho cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan.

6. Kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về một số vướng mắc khi thực hiện Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31/12/2013 của Bộ Tư pháp:

I. Về thủ tục đăng ký kết hôn:

1. Tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31/12/2013 quy định:

“a) Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài (không đồng thời có quốc tịch nước ngoài) nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Cơ quan đại diện tại nước mà người đó cư trú cấp hoặc giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, nơi người đó cư trú cấp.

b) Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài (đồng thời có quốc tịch nước ngoài) phải nộp giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó có quốc tịch cấp và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.”

- Thực tế hiện nay hầu hết các Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài cấp đều không đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư 08.a/2010/TT-BTP; và đa số Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân được cấp thì nội dung quốc tịch của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài (đồng thời có quốc tịch nước ngoài) đều ghi quốc tịch nước ngoài; vì hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể về việc ghi quốc tịch (nước ngoài hay Việt Nam) nên việc thực hiện chưa được thống nhất, gây khó khăn, phiền hà cho công dân trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn.

- Trường hợp sau thời hạn cuối cùng được đăng ký giữ quốc tịch Việt Nam, có thể sẽ phát sinh trường hợp công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài (đồng thời có quốc tịch nước ngoài) đã đăng ký giữ quốc tịch Việt Nam, nhưng vì họ không muốn nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp nên có thể trình bày là chưa đăng ký giữ quốc tịch Việt Nam.

2. Tại điểm b khoản 4 Điều 6 Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31/12/2013 quy định: *“Về Giấy xác nhận công dân Việt Nam đã được tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài:*

Trong việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, nếu đương sự thuộc một trong các trường hợp sau thì phải đến Trung tâm để được tư vấn, hỗ trợ:

- Hai bên chênh lệch nhau từ 20 tuổi trở lên;
- Người nước ngoài kết hôn lần thứ ba hoặc đã kết hôn và ly hôn với vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam;

- Hai bên chưa hiểu biết về hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh cá nhân của nhau; không hiểu biết về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, văn hóa, pháp luật về hôn nhân và gia đình của mỗi nước”

- Thứ nhất, nội dung trên chưa quy định rõ Giấy xác nhận công dân Việt Nam đã được tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài là 01 thành phần bắt buộc khi công dân nộp hồ sơ hay chỉ bổ sung theo yêu cầu sau kết quả phỏng vấn (vì loại giấy này được bố cục trong điều khoản quy định về hồ sơ kết hôn; ngoài ra, công dân thuộc trường hợp thứ 1, thứ 2 của điểm b thì có thể xác định được tại thời điểm nộp hồ sơ; nhưng đối với trường hợp thứ 3 của điểm b thì chỉ xác định được sau kết quả phỏng vấn). Tuy nhiên, nếu loại giấy này được bổ sung sau kết quả phỏng vấn, đề nghị quy định rõ thời hạn công dân phải bổ sung và không được tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký kết hôn.

- Thứ hai, Thông tư số 22/2013/TT-BTP cũng chưa quy định nội dung tư vấn, hỗ trợ là tư vấn về nội dung gì? Như vậy, dễ dẫn đến tình trạng tư vấn mang tính hình thức, không đạt được hiệu quả.

- Giấy xác nhận công dân Việt Nam đã được tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài không ghi rõ mục đích cấp, thời hạn; như vậy sẽ làm phát sinh trường hợp, mục đích ban đầu công dân đi tư vấn để kết hôn với người nước ngoài, nhưng sau đó vì lý do nào đó họ không nộp hồ sơ kết hôn với người này nữa, vậy Giấy này có thể được dùng cho trường hợp họ kết hôn với 01 người nước ngoài có quốc tịch khác với người nước ngoài mà họ dự định kết hôn trước đây hay không?

- Tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định 24/2013/NĐ-CP quy định: “Thực hiện phỏng vấn... để kiểm tra, làm rõ về nhân thân, sự tự nguyện kết hôn và mức độ hiểu biết nhau của hai bên nam, nữ”. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 22/2013/TT-BTP quy định: “Khi phỏng vấn, cán bộ Sở Tư pháp cần làm rõ sự tự nguyện, mục đích kết hôn của cả hai bên; sự hiểu biết của mỗi bên về hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh cá nhân của nhau, về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, văn hóa, pháp luật về hôn nhân và gia đình của quốc gia, vùng lãnh thổ mà bên kia cư trú”. Vậy quy định tại Thông tư số 22/2013/TT-BTP có trái với quy định tại Nghị định 24/2013/NĐ-CP hay không?

3. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 22/2013/TT-BTP thì: “Khi phỏng vấn, cán bộ Sở Tư pháp cần làm rõ sự tự nguyện, mục đích kết hôn của cả hai bên; sự hiểu biết của mỗi bên về hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh cá nhân của nhau, về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, văn hóa, pháp luật về hôn nhân và gia đình của quốc gia, vùng lãnh thổ mà bên kia cư trú”; trong trường hợp, kết quả phỏng vấn cho thấy công dân Việt Nam với người nước ngoài có thể giao tiếp với nhau bằng một ngôn ngữ chung khác không phải là tiếng Việt và cũng không phải ngôn ngữ của nước, vùng lãnh thổ mà người nước

ngoài cư trú thì đối chiếu theo quy định trên họ có thuộc trường hợp không hiểu biết về ngôn ngữ của nhau không?

4. Về trình tự giải quyết hồ sơ đăng ký kết hôn: khoản 4 Điều 7 Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31/12/2013 quy định: *“Trường hợp xét thấy việc kết hôn liên quan đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, có dấu hiệu xuất, nhập cảnh trái phép, buôn bán người, môi giới kết hôn trái pháp luật, kết hôn giả tạo nhằm mục đích xuất cảnh, trục lợi hoặc có vấn đề khác liên quan đến chức năng của cơ quan Công an, Sở Tư pháp có công văn, kèm theo bản chụp 01 bộ hồ sơ đăng ký kết hôn, gửi cơ quan Công an cùng cấp đề nghị xác minh.*

Nếu hết thời hạn xác minh theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP (07 ngày làm việc) mà cơ quan Công an chưa có văn bản trả lời, Sở Tư pháp vẫn hoàn tất hồ sơ, đề xuất ý kiến trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định, trong đó nêu rõ vấn đề đã yêu cầu cơ quan Công an xác minh”. Việc quy định thời hạn xác minh là 07 ngày là không đảm bảo, không phù hợp với thực tế vì chưa tính đến thời hạn gửi hồ sơ giữa hai cơ quan, việc xác minh phải thực hiện tại địa phương nơi công dân cư trú ở các địa bàn hoặc các trường hợp phức tạp phải xác minh nhiều nơi. Do đó, quy định thời hạn xác minh này là hoàn toàn không khả thi. Dẫn đến hồ sơ giải quyết không đúng thời hạn, không đáp ứng được yêu cầu cải cách hành chính, tạo sự không hài lòng của công dân đối với cơ quan hành chính nhà nước.

II. Về thủ tục ghi vào sổ việc kết hôn của công dân Việt Nam được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài:

1. Tại Điều 13 Thông tư số 22/2013/TT-BTP quy định: *“1. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Sở Tư pháp thẩm tra các giấy tờ trong hồ sơ, đối chiếu với hồ sơ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân đó, nếu thấy việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, việc kết hôn bảo đảm điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP, thì ghi vào sổ việc kết hôn.*

Trường hợp công dân Việt Nam được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tại địa bàn tỉnh khác, Sở Tư pháp có văn bản gửi Sở Tư pháp nơi đã cho ý kiến về việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đề nghị kiểm tra, đối chiếu; nếu việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân bảo đảm đúng trình tự, thủ tục việc kết hôn bảo đảm điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP, thì ghi vào sổ việc kết hôn.

2. *Trường hợp việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân không đúng trình tự, thủ tục, Sở Tư pháp tiến hành xác minh làm rõ. Nếu kết quả xác minh cho thấy đương sự có đủ điều kiện kết hôn (vào thời điểm yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân), tình trạng hôn nhân của công dân Việt Nam được xác nhận là đúng, Sở Tư pháp vẫn tiến hành ghi vào sổ việc kết hôn và cấp Giấy xác nhận cho đương sự...”*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP, hồ sơ ghi vào sổ việc kết hôn không có Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của công dân Việt Nam. Và mẫu Tờ khai ghi vào sổ việc kết hôn (Mẫu TP/HT-2013-

TKGCKH ban hành kèm theo Thông tư 09b/2013/TT-BTP) cũng không có nội dung cho công dân khai về thông tin Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã được cấp trước đây (cơ quan cấp, ngày cấp...). Đồng thời, Nghị định số 24/2013/NĐ-CP và Thông tư số 22/2013/TT-BTP cũng không quy định việc mời công dân lên phỏng vấn, cung cấp thông tin. Do đó, Sở Tư pháp không đủ thông tin, cơ sở để thực hiện thẩm tra các giấy tờ trong hồ sơ, đối chiếu với hồ sơ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, nhất là đối với trường hợp công dân Việt Nam được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tại địa bàn tỉnh khác.

2. Tại khoản 4 Điều 17, quy định: “*Thời hạn giải quyết việc ghi vào sổ việc kết hôn là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tư pháp hoặc cơ quan đại diện nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí. Trong trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 05 ngày làm việc*”.

Trong trường hợp công dân Việt Nam được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tại địa bàn tỉnh khác thì thời hạn xác minh theo quy định trên là không thể thực hiện được, việc quy định thời hạn trên là mang tính hình thức, dẫn đến việc hồ sơ giải quyết bị trễ hạn không đảm bảo được yêu cầu cải cách hành chính.

Trả lời:

a) Liên quan đến vấn đề hầu hết Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp đều không đúng mẫu mà tỉnh Khánh Hoà nêu, Bộ Tư pháp (Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực) cũng đã nhận được một số phản ánh cụ thể và đã kịp thời trao đổi với Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự) để kiểm tra, chấn chỉnh. Đề nghị tỉnh Khánh Hoà có thống kê, thông tin cụ thể về các Cơ quan đại diện cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân không đúng quy định (kể cả việc ghi quốc tịch nước ngoài của đương sự) để Bộ Tư pháp có cơ sở trao đổi với Bộ Ngoại giao có giải pháp khắc phục, bảo đảm việc thực hiện đúng quy định của pháp luật.

b) Liên quan đến thời hạn đăng ký giữ quốc tịch Việt Nam: Ngày 26/6/2014, Chủ tịch nước đã ký Lệnh số 10/2014/L-CTN công bố Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam, Luật có hiệu lực kể từ ngày công bố, và không quy định thời hạn đăng ký giữ quốc tịch.

Liên quan đến vấn đề còn hay không còn quốc tịch Việt Nam; nghĩa vụ chứng minh việc có quốc tịch Việt Nam của đương sự khi làm thủ tục đăng ký hộ tịch, Bộ Tư pháp đang tổng hợp tình hình thực hiện, nghiên cứu giải pháp tháo gỡ. Đề nghị các địa phương tiếp tục phản ánh về Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Bộ Tư pháp để nghiên cứu, hoàn thiện dự án Luật Hộ tịch sắp tới.

c) Về Giấy xác nhận công dân Việt Nam đã được tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

- Thứ nhất, theo quy định của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 6 Thông tư số 22/2013/TT-BTP thì Giấy xác nhận này không phải là thành phần bắt buộc trong hồ sơ ngay tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký kết hôn, mà là giấy tờ nộp bổ sung theo yêu cầu của Sở Tư pháp nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Thông tư số 22/2013/TT-BTP.

Để thuận lợi cho người dân, có thể cho phép đương sự nộp Giấy xác nhận này trong quá trình giải quyết hồ sơ, nhưng phải bảo đảm có Giấy xác nhận này trong hồ sơ khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký Giấy Chứng nhận kết hôn cho đương sự.

Do đây là giấy tờ yêu cầu bổ sung, thời gian để có Giấy xác nhận phụ thuộc vào quá trình tư vấn, hỗ trợ của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên thời gian chờ bổ sung Giấy xác nhận không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký kết hôn. Bộ Tư pháp sẽ có văn bản hướng dẫn chung về vấn đề này.

- Thứ hai, nội dung, thời gian tư vấn, hỗ trợ do Trung tâm tư vấn, hỗ trợ quyết định trên cơ sở trao đổi trực tiếp với đương sự. Bộ Tư pháp đã trao đổi với Trung ương Hội phụ nữ Việt Nam về việc cần có văn bản hướng dẫn về quy chế tổ chức hoạt động; nghiệp vụ, nội dung, cách thức tư vấn, hỗ trợ (bao gồm cả mẫu Giấy xác nhận tư vấn, hỗ trợ) cho các Trung tâm tư vấn, hỗ trợ, bảo đảm việc tư vấn, hỗ trợ thực chất, hiệu quả.

d) Về quy định phỏng vấn đối với hai bên nam, nữ kết hôn: Sự hiểu biết về hoàn cảnh gia đình, cá nhân của nhau, ngôn ngữ, phong tục, tập quán, văn hoá, pháp luật của mỗi nước mà hai bên là công dân cũng là một phần sự hiểu biết của hai bên nam, nữ về nhau, quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 22/2013/TT-BTP là quy định hướng dẫn chi tiết, hoàn toàn phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 24/2013/NĐ-CP.

e) Về việc giải quyết hồ sơ ghi vào sổ việc kết hôn: Nghị định số 24/2013/NĐ-CP và Thông tư số 22/2013/TT-BTP đều quy định trách nhiệm của Sở Tư pháp phải tiến hành kiểm tra, xác minh hồ sơ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam trước đây thông qua công chức tư pháp hộ tịch. Trường hợp công dân Việt Nam được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trên địa bàn tỉnh khác thì có văn bản trao đổi với Sở Tư pháp tỉnh đó đề nghị phối hợp xác minh. Đây là các biện pháp nghiệp vụ thuộc khả năng và trách nhiệm của Sở Tư pháp, có thể chủ động thực hiện.

- Về thời hạn giải quyết ghi vào sổ việc kết hôn: Bộ Tư pháp (Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực) chưa nhận được các phản ánh tương tự của các địa phương khác. Đề nghị tỉnh Khánh Hoà có thống kê cụ thể về vụ việc, quá trình và thời gian giải quyết để Bộ Tư pháp có cơ sở nghiên cứu, có giải pháp sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

VIII. LĨNH VỰC BỔ TRỢ TƯ PHÁP

1. Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 17/2010/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản pháp luật khác có liên quan đến hoạt động bán đấu giá tài sản như: các loại tài sản thông thường trong giao dịch dân sự chưa được đề cập đến; chưa có quy định cụ thể về việc bán đấu giá một số loại tài sản đặc thù như: bán đấu giá tài sản hình thành trong tương lai, tài sản là di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, bán đấu giá về quyền tài sản (quyền khai thác khoáng sản, quyền sở hữu trí tuệ...); đối với việc bán đấu giá cổ phần khi chuyển đổi những công ty nhà nước không giữ 100% vốn sang loại

hình công ty cổ phần hoặc công ty TNHH từ 2 thành viên trở lên: đề nghị trong mọi trường hợp nên trao nhiệm vụ cho Trung tâm bán đấu giá tài sản tổ chức bán đấu giá cổ phần để chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần (UBND tỉnh Hà Nam).

Trả lời:

Đối với việc bán đấu giá cổ phần doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa được giao cho Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán, Tổ chức tài chính trung gian... và được thực hiện theo quy định về pháp luật doanh nghiệp và chứng khoán không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP. Về việc sửa đổi, bổ sung quy định hướng dẫn bán đấu giá tài sản đặc thù, Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của UBND tỉnh Hà Nam và sẽ rà soát, tổng hợp, nghiên cứu đề xuất quy định trong dự án Luật Đấu giá tài sản, dự kiến trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến vào tháng 9/2015.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm nghiên cứu, sớm có văn bản hướng dẫn các nội dung Sở Tư pháp đã đề xuất, báo cáo trong các văn bản sau:

- Công văn số 1708/STP-BTTP ngày 04/4/2014 báo cáo thông tin liên quan đến vụ việc bán đấu giá lô gỗ giáng hương ngày 28/02/2014 và xin ý kiến hướng dẫn nghiệp vụ;

- Công văn số 1855/STP-BTTP ngày 11/4/2014 liên quan đến vướng mắc về thẩm quyền công chứng các giao dịch về bất động sản trong khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao (UBND thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

- Đối với kiến nghị nêu tại Công văn số 1708/STP-BTTP ngày 04/4/2014 của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến vụ việc bán đấu giá lô gỗ giáng hương”: Ngày 13/6/2014, Cục Bổ trợ tư pháp đã có Công văn số 405/BTTP-ĐGTS gửi Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh trả lời về vấn đề này.

- Đối với kiến nghị tại của UBND thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 1855/STP-BTTP ngày 11/4/2014 về việc “Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm nghiên cứu, sớm có văn bản hướng dẫn các nội dung liên quan đến vướng mắc về thẩm quyền công chứng các giao dịch về bất động sản trong khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao”:

Ngày 18/6/2014, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2712/BTP-BTTP gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn thực hiện thống nhất trong cả nước như sau:

- Các tổ chức hành nghề công chứng tiếp tục chứng nhận các giao dịch về bất động sản trong khu công nghiệp theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã giao hồ sơ về hợp đồng, giao dịch đã xác nhận tại Ban quản lý cho tổ chức hành nghề công chứng

theo Nghị định số 04/2013/NĐ-CP thì tổ chức hành nghề công chứng tiếp tục lưu trữ và thực hiện việc chứng nhận các yêu cầu công chứng về sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản pháp luật có liên quan.

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với Bộ Kế hoạch & Đầu tư và các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn chung thống nhất về vấn đề này.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp cần có chế độ, chính sách đãi ngộ với những người làm công tác Giám định tư pháp (cụ thể là cho họ được hưởng những quyền lợi như công chức ở các cơ quan bảo vệ pháp luật như Tòa án, Viện kiểm sát, Thi hành án...) để thu hút lực lượng lao động có năng lực, tâm huyết vào làm việc (*UBND tỉnh Kiên Giang*).

Trả lời:

Theo quy định hiện hành, thẩm phán đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm nghề từ 20% đến 30%, chế độ phụ cấp thâm niên (thời gian công tác đủ 5 năm - 60 tháng thì được hưởng phụ cấp thâm niên nghề bằng 5% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có; từ năm thứ sáu trở đi mỗi năm đủ 12 tháng được tính thêm 1%) và chế độ bồi dưỡng phiên tòa. Các chức danh tư pháp khác cũng hưởng lương và chế độ chính sách tương tự như thẩm phán.

Hiện nay, cả nước có khoảng 4.000 giám định viên tư pháp. Hầu hết giám định viên tư pháp không phải là chuyên trách mà làm việc ở các cơ quan, tổ chức không phải là tổ chức giám định tư pháp chuyên trách. Do vậy, họ được hưởng lương và các chế độ chính sách theo ngạch, bậc của công việc chính họ đang đảm nhiệm như: bác sĩ, kỹ sư, kiểm toán viên... Khi thực hiện giám định họ sẽ được hưởng chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Còn lại, có khoảng 900 giám định viên tư pháp chuyên trách trong các lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự. Giám định viên tư pháp chuyên trách về kỹ thuật hình sự và pháp y trong công an và quân đội được hưởng hệ số lương riêng và các chế độ chính sách dành cho lực lượng vũ trang như phụ cấp thâm niên, phụ cấp đặc thù; giám định viên chuyên trách trong lĩnh vực pháp y và pháp y tâm thần trong ngành y tế được hưởng đang được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi nghề (70% trên tổng lương) theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập. Ngoài ra, khi thực hiện giám định tư pháp họ còn được hưởng chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014.

Trong quá trình xây dựng Nghị định số 85/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Giám định tư pháp, Bộ Tư pháp có đề xuất cho giám định viên chuyên trách trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên. Tuy nhiên, Kết luận số 23-KL/TW ngày 29/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Một số vấn đề về tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách tiền lương đến năm

2020” đã chỉ đạo chưa bổ sung thêm các loại phụ cấp theo ngành, nghề mà cần chờ việc xây dựng và phê duyệt Đề án cải cách chính sách tiền lương cũng như sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan về tiền lương một cách tổng thể.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, bán đấu giá tài sản... cho đội ngũ công chức, viên chức nhằm nâng cao kỹ năng và trình độ nghiệp vụ (*UBND tp. Hồ Chí Minh*).

Trả lời:

Thời gian qua, triển khai Đề án “phát triển và tăng cường năng lực đội ngũ đấu giá viên giai đoạn 2012-2015, định hướng đến năm 2020”, Bộ Tư pháp (Cục Hỗ trợ tư pháp) đã tổ chức 01 hội thảo về quản lý nhà nước trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp và 01 lớp bồi dưỡng về lĩnh vực bán đấu giá tài sản cho cán bộ làm công tác quản lý về hỗ trợ tư pháp tại các địa phương tại tỉnh Ninh Bình. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ xem xét tổ chức thêm các lớp bồi dưỡng theo kiến nghị của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chứng viên theo Luật Công chứng, qua đó tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc của địa phương trong hoạt động công chứng, cụ thể là công chứng hợp đồng liên quan đến quyền của người sử dụng đất hộ gia đình (*UBND tỉnh Hậu Giang*).

Trả lời:

Trong những năm gần đây, Bộ Tư pháp đều tích cực phối hợp với Dự án JICA của Nhật Bản tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các công chứng viên.

Hiện nay, để chuẩn bị triển khai quy định của Luật Công chứng (sửa đổi) năm 2014 về việc công chứng viên có nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm, Bộ Tư pháp đang xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chứng viên, theo đó sẽ tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chứng viên, tập trung vào vấn đề nghiệp vụ công chứng các hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất của hộ gia đình.

Ngoài ra, Bộ Tư pháp đang phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tòa án nhân dân tối cao xây dựng dự thảo Thông tư liên tịch hướng dẫn một số vấn đề về ký kết và giải quyết tranh chấp về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, trong đó, có hướng dẫn nội dung liên quan đến thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cách thức xác định thành viên hộ gia đình theo Luật Đất đai (sửa đổi) năm 2013.

6. Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm đầu tư xây dựng phần mềm quản lý công chứng, nhất là việc kết nối giữa cơ quan hỗ trợ tư pháp với các Phòng công chứng, Văn phòng công chứng, các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và các tổ chức tín dụng để hạn chế những rủi ro, thất thoát về tài sản (*UBND tỉnh Hưng Yên*).

Trả lời:

Luật Công chứng năm 2014 đã quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương và ban hành quy

chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng. Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng và các bộ, ngành có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng và quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu công chứng tại các địa phương.

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ có hướng dẫn chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin công chứng.

Hiện nay, Bộ Tư pháp cũng đang phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng Đề án thí điểm liên thông giữa tổ chức hành nghề công chứng với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, cơ quan thuế...

7. Rà soát các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động công chứng như: Bộ luật Dân sự, Luật Công chứng, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Xây dựng,... để sửa đổi, bổ sung cho đồng bộ và thống nhất (*UBND tỉnh Sóc Trăng*)

Trả lời:

Thời gian qua, Bộ Tư pháp đã thực hiện việc rà soát và nghiên cứu đề kiến nghị sửa đổi, bổ sung, góp ý nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trực tiếp đến hoạt động công chứng, trong đó:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình Quốc hội khóa XIII thông qua Luật Công chứng 2014 với nhiều nội dung mới về phạm vi công chứng, công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên...

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ phối hợp chặt chẽ trong quá trình xây dựng, tham gia xây dựng, góp ý, thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật như Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Luật Đất đai 2013, Luật Xây dựng 2014... và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan sửa đổi Bộ luật Dân sự 2005; tham gia sửa đổi, bổ sung Luật Nhà ở 2005, Luật Kinh doanh bất động sản 2005...

Ngoài ra, Bộ Tư pháp đang tiếp tục rà soát và nghiên cứu đề kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan để tạo sự đồng bộ và thống nhất đối với các quy định liên quan đến hoạt động công chứng.

8. Đề nghị Bộ Tư pháp có văn bản hướng dẫn thống nhất áp dụng khi công chứng các hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình và thực hiện việc công chứng, chứng thực giấy ủy quyền để các địa phương tổ chức thực hiện (*UBND tỉnh Tuyên Quang*).

Trả lời:

Bộ Tư pháp đang tích cực phối hợp với các cơ quan có liên quan để nghiên cứu sửa đổi chế định này trong quá trình sửa đổi, bổ sung Bộ luật Dân sự năm 2005. Đồng thời, Bộ Tư pháp cũng đang phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tòa án nhân dân tối cao xây dựng dự thảo Thông tư liên tịch hướng dẫn một số vấn đề về ký kết và giải quyết tranh chấp về hợp đồng thế chấp

quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, trong đó có hướng dẫn nội dung liên quan đến thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cách thức xác định thành viên hộ gia đình theo Luật Đất đai (sửa đổi) năm 2013.

Đối với thực hiện công chứng, chứng thực giấy ủy quyền, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu những vướng mắc cụ thể để hướng dẫn địa phương.

IX. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Để công tác tuyên truyền về nội dung Hiến pháp được thuận lợi, đạt hiệu quả cao đề nghị Bộ Tư pháp, Ban Tuyên giáo Trung ương tiếp tục đa dạng hóa các tài liệu tuyên truyền về Hiến pháp; xây dựng hệ thống đề cương làm tài liệu tuyên truyền của báo cáo viên, tuyên truyền viên để có thể cung cấp cho các địa phương phục vụ công tác tuyên truyền rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân (*UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*).

Trả lời:

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 28-12-2013 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014 (sau đây gọi tắt là Hiến pháp năm 2013). Việc triển khai thi hành Hiến pháp yêu cầu phải đồng bộ, toàn diện, thống nhất. Trong đó chú trọng tuyên truyền, phổ biến sâu tinh thần và nội dung Hiến pháp đến tất cả đảng viên, các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên, học sinh, chiến sĩ lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân.

Để công tác tuyên truyền về Hiến pháp có hiệu quả, Ban Tuyên giáo Trung ương đã biên soạn và phát hành 02 cuốn sách: “Tài liệu hỏi - đáp về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” dùng để tuyên truyền trong nhân dân và “Tài liệu tuyên truyền Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” dùng cho cán bộ, đảng viên. Bên cạnh tài liệu tuyên truyền dành cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, Ban Tuyên giáo Trung ương đã hoàn thành việc biên soạn, biên tập bản thảo hai cuốn sách: “Tài liệu tuyên truyền về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” dùng cho người Việt Nam ở nước ngoài” và “Tài liệu tuyên truyền về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” dành cho người nước ngoài được dịch ra 5 thứ tiếng Anh, Pháp, Nga, Trung, Tây Ban Nha. Bản thảo sách đang chuẩn bị được in ấn và phát hành.

Thực hiện Quyết định số 251/QĐ-TTg ngày 13/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bộ Tư pháp đã xây dựng 02 Tờ gấp pháp luật phổ biến nội dung về quyền con người, quyền công dân và các quy định về văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường trong Hiến pháp năm 2013 giới thiệu trên Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp, đồng thời, Bộ cũng đang biên soạn cuốn tài liệu tập huấn chuyên sâu về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và một số tờ gấp giới thiệu những điểm mới của Hiến pháp. Các tài liệu này sẽ được in ấn, phát hành và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp.

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục biên soạn các loại tài liệu tuyên truyền về Hiến pháp để giới thiệu, phổ biến sâu rộng các nội dung cơ bản, những điểm mới được sửa đổi, bổ sung của Hiến pháp đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, giáo dục tinh thần chấp hành Hiến pháp, ý thức trách nhiệm bảo vệ Hiến pháp và pháp luật.

Ngày 25/8/2014, Bộ Tư pháp có Công văn số 3642 /BTP-PBGDPL gửi các Bộ, ngành, địa phương về việc hướng dẫn tổ chức Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2014 với nội dung “Toàn dân tích cực tìm hiểu và nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp, pháp luật vì mục tiêu Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Bộ Tư pháp đề nghị các Bộ, ngành, địa phương quan tâm chỉ đạo, hưởng ứng thực hiện tốt Ngày Pháp luật năm 2014, góp phần tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong nhân dân.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp kịp thời hướng dẫn các nội dung liên quan đến chuẩn tiếp cận pháp luật và sớm ban hành Thông tư hướng dẫn về quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục đánh giá và công bố kết quả công nhận, biểu dương, xếp hạng, khen thưởng địa phương đạt chuẩn và tiêu biểu về tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (*UBND tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Hậu Giang*).

Trả lời:

Ngày 27/6/2014, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 4793/VPCP-PL thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc tạm dừng đánh giá tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 ban hành Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở, theo đó tạm dừng đánh giá, công nhận, biểu dương, xếp hạng, khen thưởng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tổ chức làm thử việc đánh giá tại 05 tỉnh, thành phố là Điện Biên, Quảng Bình, Thái Bình, Cà Mau và thành phố Hồ Chí Minh, còn các nội dung khác của Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg vẫn tiếp tục triển khai thi hành. Để Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ được triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ trên phạm vi cả nước, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 3120/BTP-PBGDPL ngày 15/7/2014 hướng dẫn thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về đánh giá tiếp cận pháp luật gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Căn cứ hướng dẫn tại Công văn này, các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng địa phương tiếp cận pháp luật theo quy định.

Do đã tạm dừng việc đánh giá, công nhận, biểu dương, xếp hạng, khen thưởng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên phạm vi cả nước theo Công văn số 4793/VPCP-PL (trừ 5 tỉnh, thành phố được chọn làm thử) nên Bộ Tư pháp chưa ban hành Thông tư quy định về Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật; trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận, xếp hạng địa phương đạt chuẩn và biểu dương tiêu biểu về tiếp cận pháp luật (Văn bản này sẽ ban hành sau khi tổng kết, sửa đổi Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg vào quý II năm 2016).

Riêng đối với các tỉnh: Quảng Bình, Thái Bình, Điện Biên, Cà Mau và thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tư pháp đã có hướng dẫn cụ thể về Hội đồng đánh

giá tiếp cận pháp luật; quy trình đánh giá, công nhận địa phương đạt chuẩn và biểu dương tiêu biểu về tiếp cận pháp luật để 05 tỉnh, thành phố này tổ chức triển khai làm thử việc đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại 03 cấp ở địa phương.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, hỗ trợ kinh phí cho tỉnh Hậu Giang để thực hiện tốt hơn nữa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh (do tỉnh Hậu Giang mất cân đối ngân sách nên việc bố trí kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật chưa đảm bảo, dẫn đến chất lượng, hiệu quả công tác này chưa cao) (*tỉnh Hậu Giang*).

Trả lời:

Trước hết phải khẳng định rằng, cơ chế tài chính triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đã được quy định cụ thể tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT), đó là: Kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và được bố trí trong dự toán của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức đoàn thể ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Chính vì vậy, cũng có một thực tế là việc dành kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật phụ thuộc vào điều kiện ngân sách ở từng cơ quan, tổ chức, địa phương và đây được coi là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Để khắc phục khó khăn này, Điều 39 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật quy định ngân sách Trung ương hỗ trợ kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách. Cụ thể hóa Điều luật này, Khoản 2, Điều 2 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT đã quy định một số hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật trọng tâm, trọng điểm cụ thể sẽ được ngân sách trung ương hỗ trợ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách.

Về việc lập dự toán đề ngân sách Trung ương hỗ trợ, Điểm d, Khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT quy định: Hằng năm, trên cơ sở tổng hợp dự toán ngân sách đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn, dự kiến nguồn thu, nhiệm vụ chi của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp dự toán đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ theo các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT báo cáo về Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính. Bộ Tư pháp tổng hợp dự toán đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ cho các tỉnh trong năm kế hoạch gửi Bộ Tài chính thẩm định trình cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán, Bộ Tài chính thông báo kinh phí cho các địa phương được hỗ trợ để rút dự toán thực hiện.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, ngày 03/7/2014, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2961/BTP-PBGDPL gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và hòa giải ở cơ sở năm 2015. Đối với các tỉnh không tự cân đối được ngân sách, Công văn đã hướng dẫn cụ thể nội dung, cách thức, trình tự, thời hạn gửi dự toán kinh phí phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở năm 2015 của địa phương đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ để Bộ Tư pháp tổng hợp theo quy định.

Như vậy, để góp phần giải quyết khó khăn của địa phương, đề nghị tỉnh Hậu Giang khẩn trương thực hiện việc lập dự toán đề nghị Trung ương hỗ trợ theo hướng dẫn, đảm bảo đúng thời hạn báo cáo dự toán ngân sách hàng năm (trước ngày 25/7). Bên cạnh đó, mặc dù không có thẩm quyền quyết định việc ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh triển khai các nhiệm vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nhưng trong thời gian tới, Bộ Tư pháp cũng sẽ quan tâm, xem xét, tranh thủ nguồn lực từ các Đề án, Chương trình về phổ biến, giáo dục pháp luật để có thể có sự hỗ trợ cụ thể, cần thiết cho Hậu Giang, góp phần khắc phục khó khăn hiện tại của địa phương trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

4. Ngày 18/12/2013, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 21/2013/TT-BTP quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật; công nhận, cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật và một số biện pháp bảo đảm hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật. Quá trình triển khai thực hiện, Bộ Quốc phòng thấy có nhiều bất cập trong việc cấp thẻ Báo cáo viên trong Quân đội. Cụ thể:

1. Trong Quân đội hiện nay có trên 1.500 cán bộ trực tiếp làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật từ Trung ương đến cơ sở.

2. Điều 3 Thông tư số 21/2013/TT-BTP quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật Trung ương; báo cáo viên pháp luật của Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Chỉ huy Quân sự và Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; báo cáo viên pháp luật của Ban Chỉ huy Quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Tuy nhiên, trong Bộ Quốc phòng, ngoài những đơn vị đã được đề cập tại Điều 3 Thông tư số 21/2013/TT-BTP nêu trên còn có số lượng lớn các đơn vị cấp sư đoàn và tương đương (các học viện, nhà trường, bệnh viện trực thuộc các đơn vị: Tổng cục, quân khu, quân chủng, binh chủng, quân đoàn, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển); đơn vị cấp lữ đoàn, trung đoàn và tương đương. Thực tiễn cho thấy, cùng với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị trọng tâm, các đơn vị này đã tích cực thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật góp phần nâng cao kiến thức, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, chiến sỹ và nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn đóng quân.

3. Báo cáo viên trong Quân đội không ổn định (thường xuyên thay đổi vị trí công tác) nên việc cấp thẻ Báo cáo viên pháp luật phải thường xuyên để bổ sung cho lực lượng chuyên công tác khác.

4. Phạm vi hoạt động, trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm đối với báo cáo viên pháp luật nêu tại Mục 1, Mục 2 Công văn này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2013/TT-BTP. Khi kê khai thông tin tại Mục “Chức vụ, chức danh” trong các mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BTP thống nhất ghi là “Cán bộ”.

Lý do của việc kê khai thông tin trong mục “Chức vụ, chức danh” như trên là do phần lớn sỹ quan quân đội đủ tiêu chuẩn để được xem xét, công nhận báo cáo viên pháp luật đang đảm nhiệm công việc đòi hỏi phải bảo mật thông tin liên quan đến lĩnh vực công tác của họ.

Từ những vấn đề trên, Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp để có thể áp dụng đối với Báo cáo viên pháp luật trong Quân đội (*Bộ Quốc Phòng*).

Trả lời:

Theo quy định của Thông tư số 21/2013/TT-BTP và đề nghị của Bộ Quốc phòng, đồng thời xét trên thực tế đặc thù của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, có công văn hướng dẫn thực hiện Thông tư số 21/2013/TT-BTP đối với lực lượng báo cáo viên của Bộ Quốc phòng theo hướng sau:

a) Về điểm 1, 2 của kiến nghị

Việc lựa chọn, lập danh sách báo cáo viên của quân đội sẽ giao cho các cơ quan sau:

- Tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế, cơ quan chính trị (nơi không có tổ chức pháp chế) của đơn vị quân đội cấp sư đoàn và tương đương (học viện, nhà trường, bệnh viện,... trực thuộc các đơn vị Tổng cục, quân khu, quân chủng, binh chủng, quân đoàn, Bộ Tư lệnh bộ đội biên phòng, Bộ Tư lệnh cảnh sát biển...) lựa chọn, lập danh sách sỹ quan có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật trình thủ trưởng đơn vị xem xét, lập hồ sơ gửi Sở Tư pháp tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đóng quân xem xét, quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật.

- Tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế, cơ quan chính trị (nơi không có tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế) của đơn vị quân đội cấp lữ đoàn, trung đoàn và tương đương lựa chọn, lập hồ sơ sỹ quan có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật gửi Phòng Tư pháp tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đóng quân xem xét, quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật.

b) Về điểm 3 của kiến nghị

Khác với Thông tư số 18/2010/TT-BTP về báo cáo viên pháp luật, Thông tư số 21/2013/TT-BTP không quy định về thẻ và trình tự thủ tục cấp thẻ, cấp lại thẻ và thu hồi Thẻ báo cáo viên pháp luật nhằm đảm bảo cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho cơ quan đề nghị, báo cáo viên pháp luật và đáp ứng tính khả thi trong thực tiễn. Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật đảm bảo tư cách pháp lý của báo cáo viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Vì vậy, báo cáo viên pháp luật của Bộ Quốc phòng cũng không ở ngoài quy định chung đó.

c) Về điểm 4 của kiến nghị:

Khi kê khai thông tin Mục “Chức vụ, chức danh” trong các mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BTP đối với báo cáo viên của Bộ Quốc phòng, xét theo đặc thù công việc của Bộ Quốc phòng là do phần lớn sỹ quan quân đội đủ tiêu chuẩn để được xem xét, công nhận báo cáo viên pháp luật đang đảm nhiệm công việc đòi hỏi phải bảo mật thông tin liên quan đến lĩnh vực công tác. Do vậy, khi kê khai thông tin tại Mục “Chức vụ, chức danh” trong các mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BTP thống nhất ghi là “Cán bộ”.

X. LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

1. Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Cục Trợ giúp pháp lý quan tâm, chú trọng đến công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ trợ giúp viên, cộng tác viên, chuyên viên (*UBND thành phố Đà Nẵng*).

Trả lời:

Hàng năm, Bộ Tư pháp (Cục Trợ giúp pháp lý) đều tổ chức 02 lớp bồi dưỡng nguồn bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý và 04 - 05 lớp tập huấn nghiệp vụ trợ giúp pháp lý. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng bồi dưỡng nghiệp vụ bảo đảm đi sâu vào các kỹ năng TGPL, tổ chức tập huấn nghiệp vụ thường xuyên theo miền. Tại địa phương, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Trung tâm) chủ động tổ chức tập huấn cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý ở địa phương. Trung tâm cần chủ động tham mưu cho các cấp có thẩm quyền tạo nguồn bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý, cử cán bộ tham dự các khóa học đào tạo và tạo điều kiện hỗ trợ để những người này sớm bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý, bổ sung cho đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm; đồng thời có kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý cho phù hợp với yêu cầu của công tác trợ giúp pháp lý trên địa bàn.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính quy định chế độ đãi ngộ tương xứng cho cán bộ, viên chức làm công tác trợ giúp pháp lý (cụ thể là cho họ được hưởng những quyền lợi như công chức ở các cơ quan bảo vệ pháp luật như Tòa án, Viện kiểm sát, Thi hành án...) để thu hút lực lượng lao động có năng lực, tâm huyết vào làm việc; kiến nghị Chính phủ về việc áp dụng chế độ phụ cấp công vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp không có thu, chủ yếu sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước như Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước (*UBND các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Sóc Trăng*).

Trả lời:

Ngày 05/02/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 14/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý (Nghị định số 14/2013/NĐ-CP), trong đó mức bồi dưỡng vụ việc cho Trợ giúp viên pháp lý khi tham gia tố tụng, thực hiện đại diện ngoài tố tụng, hòa giải tăng từ 10% lên 20% và quy định mức bồi dưỡng được trả cho cộng tác viên là 0,2 mức lương tối thiểu/01 ngày làm việc (theo mức lương tối thiểu hiện hành là 230.000đ tăng gần gấp đôi so với mức trước đây là 120.000đ) của cộng tác viên trong trường hợp thực hiện trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng. Sau đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, trong đó, khoản 1 Điều 19 quy định “1. Đối với những vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu luật sư thì mức thù lao được trả cho 01 ngày làm việc của luật sư là 0,4 lần mức lương cơ sở do Chính phủ quy định”. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi cho người thực hiện trợ giúp pháp lý với cùng tính chất, công việc, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 14/2013/NĐ-CP đang quy định theo hướng tăng mức bồi dưỡng đối với cộng tác viên là luật sư khi thực hiện trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng tương đương với mức thù lao của luật sư tham gia tố tụng là 0,4 lần mức lương cơ sở (theo mức lương hiện hành là 460.000đ) theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP

Ngoài ra, trên cơ sở Báo cáo số 77/BC-BTP ngày 26/3/2014 của Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ về 02 năm triển khai thực hiện Chiến lược phát triển TGPL ở Việt Nam, Bộ Tư pháp đang phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo Đề án đổi mới công tác trợ giúp pháp lý dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ ban hành vào cuối năm 2014, trong đó có các giải pháp nhằm bảo đảm chế độ đãi ngộ cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý và thu hút luật sư tham gia trợ giúp pháp lý.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp tạo điều kiện, cơ chế hỗ trợ cho các tỉnh còn khó khăn về kinh phí trong hoạt động trợ giúp pháp lý (UBND tỉnh Hà Nam).

Trả lời:

Hà Nam là tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách địa phương do ngân sách Trung ương hỗ trợ và không được thụ hưởng chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo. Do đó, tỉnh Hà Nam không được hưởng cơ chế hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương cho hoạt động trợ giúp pháp lý. Để tạo điều kiện cho các tỉnh còn khó khăn về kinh phí trong hoạt động TGPL, ngày 22/7/2013 Bộ Tư pháp đã có Công văn số 5463/BTP-TGPL đề nghị đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, tạo điều kiện đầu tư cơ sở vật chất, tăng mức kinh phí bảo đảm cho công tác trợ giúp pháp lý, kinh phí chi cho hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý, đặc biệt 05 tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách địa phương do ngân sách Trung ương hỗ trợ và không được thụ hưởng chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo (Hà Nam, Hưng

Yên, Nam Định, Thái Bình, Vĩnh Long)⁴; bổ sung kinh phí cho hoạt động trợ giúp pháp lý trong phạm vi thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án của địa phương liên quan đến giảm nghèo và các đối tượng trợ giúp pháp lý. Vì vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, tạo điều kiện đầu tư cơ sở vật chất, tăng mức kinh phí bảo đảm cho công tác trợ giúp pháp lý, kinh phí chi cho hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý từ nguồn ngân sách địa phương.

Trong năm 2013, Quỹ Trợ giúp pháp lý Việt Nam tập trung hỗ trợ đối với một số hoạt động trợ giúp pháp lý của một số địa phương nghèo, không được hưởng cơ chế hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương, trong đó có tỉnh Hà Nam. Đối với Trung tâm TGPL tỉnh Hà Nam năm 2013, Quỹ Trợ giúp pháp lý Việt Nam thực hiện hỗ trợ các hoạt động: trợ giúp pháp lý lưu động, sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý, truyền thông với tổng kinh phí là 71.000.000 đồng. Năm 2014, Quỹ Trợ giúp pháp lý Việt Nam tiếp tục hỗ trợ 91.600.000 đồng cho các hoạt động trợ giúp pháp lý và đầu tư cơ sở vật chất của Trung tâm: trợ giúp pháp lý lưu động, sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý, tập huấn và mua máy in.

Bộ Tư pháp (Cục Trợ giúp pháp lý) đang nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ trong thời gian tới sẽ hỗ trợ, điều phối đối với vụ việc tố tụng, đại diện ngoài tố tụng cho các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý và các Trung tâm Trợ giúp pháp lý.

XI. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM

Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm nghiên cứu, sớm có văn bản hướng dẫn các nội dung Sở Tư pháp đã nêu tại Công văn số 1650/STP-BTTP ngày 03/4/2014 xin ý kiến liên quan đến vướng mắc về việc chuyển nhượng nhà ở, đất ở để xử lý nợ vay (*UBND thành phố Hồ Chí Minh*).

Trả lời:

Về vấn đề vướng mắc nêu tại Công văn số 1650/STP-BTTP ngày 03/4/2014 đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật như: Luật Đất đai (sửa đổi) năm 2013, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư liên tịch số 16/2014/TTLT-BTP-BTNMT-NHNN ngày 06/6/2014 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về một số vấn đề xử lý tài sản bảo đảm (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 16/2014/TTLT-BTP-BTNMT-NHNN). Theo đó, trong trường hợp tổ chức tín dụng nhận chính quyền sử dụng đất để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm thì được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Thông tư liên tịch số 16/2014/TTLT-BTP-BTNMT-NHNN. Tuy nhiên, do Điều 132 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định *tổ chức tín dụng chỉ được mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của tổ chức tín dụng* nên trong trường hợp này, tổ chức tín dụng sẽ phải thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các

⁴ Quyết định số 3299/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 27/12/2013 về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2013.

văn bản hướng dẫn thi hành. Trường hợp không thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng thì căn cứ khoản 3 Điều 132 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, tổ chức tín dụng có quyền ***nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay, nhưng trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng phải bán, chuyển nhượng bất động sản này*** để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định theo đúng quy định tại Điều 140 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai.

XII. LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Đề nghị Bộ Tư pháp sớm hoàn thiện phần mềm cơ sở dữ liệu điện tử, tiến tới xây dựng mạng liên thông kết nối giữa các Sở Tư pháp cũng như giữa Sở Tư pháp với các cơ quan cung cấp thông tin đảm bảo sự phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác (*UBND thành phố Đà Nẵng*).

Trả lời:

Theo lộ trình xây dựng Chính phủ điện tử và theo Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Ngành Tư pháp giai đoạn 2011 - 2015, Bộ Tư pháp (Cục Công nghệ thông tin) đã xác định yêu cầu và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ cần thực hiện tin học hóa, trong đó đã và đang tiếp tục xây dựng, phát triển các phần mềm, cơ sở dữ liệu trong các lĩnh vực như: lý lịch tư pháp, quốc tịch, kiểm soát thủ tục hành chính... theo đúng yêu cầu trong việc kết nối liên thông, trao đổi thông tin giữa các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Tư pháp và các Bộ, ngành liên quan.

XIII. LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP

1. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm triển khai, xây dựng cơ sở tích hợp dữ liệu quốc gia về quản lý, tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp dưới dạng điện tử (*UBND tỉnh Bình Dương, Đắk Nông*).

Trả lời:

Theo Quyết định số 2889/QĐ-BTP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Ngành Tư pháp giai đoạn 2011-2015, Cục Công nghệ thông tin là đơn vị được Bộ trưởng giao chủ trì, phối hợp với Trung tâm triển khai xây dựng phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý lý lịch tư pháp.

Thực hiện Quyết định nêu trên, từ năm 2011, Trung tâm đã phối hợp với Cục Công nghệ thông tin xây dựng phần mềm quản lý lý lịch tư pháp phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp (Trung tâm là đơn vị đề xuất nội dung và thực hiện kiểm thử, Cục Công nghệ thông tin là đơn vị triển khai xây dựng phần mềm). Phần mềm đã được đưa vào sử dụng thử nghiệm tại Trung tâm và các Sở Tư pháp từ năm 2012. Sau nhiều lần hoàn thiện, đến nay, Trung tâm và Cục Công nghệ thông tin đang phối hợp

triển khai xây dựng phân hệ trao đổi, dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử giữa Sở Tư pháp và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, dự kiến ứng dụng này sẽ được triển khai vào cuối năm 2014.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông và Bình Dương, Bộ Tư pháp ghi nhận và tiếp tục triển khai thực hiện trong thời gian tới.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ trong lĩnh vực hành chính tư pháp và lý lịch tư pháp (UBND các tỉnh: Bình Dương, Đắk Nông).

Trả lời:

Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, trong các năm 2011, 2012, 2013, Trung tâm đã phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ và Học viện Tư pháp tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về lý lịch tư pháp cho cán bộ làm công tác lý lịch tư pháp. Tuy nhiên, số lượng cán bộ của các Sở Tư pháp đăng ký tham gia lớp đào tạo nghiệp vụ lý lịch tư pháp năm 2014 rất ít không đủ mở lớp nên Bộ Tư pháp không tổ chức lớp đào tạo.

Kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông và Bình Dương, Bộ Tư pháp sẽ tổng hợp để tổ chức lớp đào tạo nghiệp vụ lý lịch tư pháp vào năm 2015.

IV. LĨNH VỰC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm nghiên cứu, sớm có văn bản hướng dẫn các nội dung Sở Tư pháp đã đề xuất, báo cáo trong các văn bản sau: Công văn số 5282/STP-BTTP ngày 30/12/2013 và công văn số 1082/STP-BTTP ngày 06/3/2014 xin ý kiến hướng dẫn liên quan đến khó khăn, vướng mắc trong việc đăng ký vi bằng (UBND thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

Ngày 18/4/2014, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 1128/BTP-TCTHADS hướng dẫn chung một số vấn đề trong hoạt động lập vi bằng của Thừa phát lại, gửi Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Định, Đồng Nai, Bình Dương, Tiền Giang, An Giang và Vĩnh Long. Tiếp thu kiến nghị của UBND thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, ban hành văn bản hướng dẫn về những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thí điểm Thừa phát lại, trong đó có mảng hoạt động lập vi bằng./.

BỘ TƯ PHÁP